

NGUYỄN THANH CHƯƠNG – LÊ XUÂN GIANG
VŨ THỊ HƯƠNG – TRẦN TIẾN THÀNH
NGUYỄN THỊ THUY – NGUYỄN HOÀNG YẾN

Bài tập thực hành
NGŨ VĂN

6

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THANH CHƯƠNG – LÊ XUÂN GIANG
VŨ THỊ HƯỜNG – TRẦN TIẾN THÀNH
NGUYỄN THỊ THUYẾT – NGUYỄN HOÀNG YẾN

Bài tập thực hành
NGŨ VĂN

6

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

/GD

Mã số : T

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến,

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới chương trình và phương pháp dạy học, thực hiện nguyên lí học đi đôi với hành nhằm nâng cao tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện các kiến thức, kĩ năng Ngữ văn. Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh biên soạn bộ sách ***Bài tập thực hành Ngữ văn Trung học cơ sở***.

Bài tập thực hành Ngữ văn 6, tập hai, nằm trong bộ sách trên, gồm một hệ thống câu hỏi, bài tập được xây dựng đa dạng, phong phú, trên cơ sở bám sát chương trình Ngữ văn lớp 6 học kì II, nhằm giúp học sinh có thêm tài liệu để củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức và rèn luyện các kĩ năng thực hành theo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng Ngữ văn lớp 6. Sách chia làm hai phần :

PHẦN MỘT : BÀI TẬP, gồm 17 đơn vị bài tương đương với các bài học trong sách giáo khoa, mỗi bài nhìn chung có ba phần :

1. Thực hành Đọc – hiểu văn bản : chú ý rèn luyện các thao tác, kĩ năng đọc và tiếp nhận văn bản.
2. Thực hành Tiếng Việt : chú ý rèn luyện các thao tác, kĩ năng thực hiện hoạt động giao tiếp.
3. Thực hành Tập làm văn : chú ý rèn luyện các thao tác, kĩ năng lập luận, các phương thức biểu đạt và tạo lập văn bản.

PHẦN HAI : MỘT SỐ ĐÁP ÁN giới thiệu đáp án hoặc gợi ý trả lời cho một số bài tập khó.

Chúng tôi hi vọng *Bài tập thực hành Ngữ văn 6, tập hai* nói riêng, bộ sách *Bài tập thực hành Ngữ văn Trung học cơ sở* nói chung, sẽ được đông đảo giáo viên và các em học sinh đón nhận và đóng góp ý kiến để những lần tái bản sau đạt chất lượng cao hơn.

Xin chúc các em học sinh học tập đạt hiệu quả !

Tổ chức biên soạn
NGUYỄN VĂN HIẾU

Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh

PHẦN MỘT BÀI TẬP

Bài 18

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

1. Kể tên các nhân vật chính có vai trò kết nối câu chuyện trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (NV6,2, tr. 3^(*)).

.....

.....

2. Việc Dế Mèn – nhân vật chính – đóng vai người kể chuyện có tác dụng gì ?

.....

.....

3. Có thể chia văn bản thành mấy đoạn ? Đặt tên cho mỗi đoạn.

.....

.....

.....

4. Đọc đoạn văn bản từ đầu đến “sắp đứng đầu thiên hạ rồi”, thực hiện các yêu cầu kế tiếp.

- a. Dế Mèn được miêu tả ở những mặt nào ?

.....

- b. Ghi lại những chi tiết tả ngoại hình và hành động của Dế Mèn vào bảng và nêu trình tự mà tác giả dùng để miêu tả ngoại hình và hành động của Dế Mèn.

(*) Sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, tập hai, trang 3.

Ngoại hình	Hành động
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

—

.....

- c. Có ý kiến cho rằng : *trong văn bản này, để miêu tả hình dáng và tính cách của Đế Mèn, Tô Hoài đã sử dụng một hệ thống tính từ đặc sắc. Những tính từ ấy nếu thay thế thì hiệu quả nghệ thuật sẽ giảm đi nhiều.* Hãy tìm các tính từ trong văn bản, những từ đồng nghĩa với các tính từ đó điền vào bảng sau rồi đưa ý kiến của mình.

Tính từ tả hình dáng	Từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa	Tính từ tả tính cách	Từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa

– Ý kiến của em :

.....

5. Em hãy ghi lại diễn biến tâm lí và thái độ của Đế Mèn trong đoạn văn từ “Một buổi chiều” đến hết.

a. Khi rủ Đế Choắt trêu chị Cốc :

.....

.....

.....

b. Khi chị Cốc đánh Đế Choắt :

.....

.....

.....

c. Trước cái chết của Đế Choắt :

.....

.....

.....

6. Bài học đường đời đầu tiên mà Đế Mèn tiếp nhận được là gì ? Cái giá mà Đế Mèn phải trả cho bài học ấy ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Em hãy nhận xét về nghệ thuật của bài văn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHÓ TỪ

1. Điền các phó từ ở phần I, II (NV6, 2, tr. 12, 13) vào bảng dưới đây :

	Phó từ đứng trước	Phó từ đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian		
Chỉ mức độ		
Chỉ sự tiếp diễn tương tự		
Chỉ sự phủ định		
Chỉ sự cầu khiến		
Chỉ kết quả và hướng		
Chỉ khả năng		

2. Trong các câu văn sau, các động từ, tính từ đã được in đậm. Em hãy tìm các phó từ, nêu ý nghĩa của các phó từ đó và viết vào bảng bên dưới.

(Gợi ý : không phải mọi động từ, tính từ đều có phó từ đi kèm)

- (1) Thế là mùa xuân mong ước đã đến. (Tô Hoài)
- (2) Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. (Tô Hoài)
- (3) Cây hồng bì đã cởi hết những cái áo lá già đen thui. (Tô Hoài)
- (4) Các cành cây đều lấm tấm màu xanh. (Tô Hoài)
- (5) Những cành xoan khẳng khiu đương trở lá lại sắp bung toả ra những tàn hoa sang sáng, tím tím. (Tô Hoài)
- (6) Ngoài kia, rừng rậm bụt sắp có nụ. (Tô Hoài)
- (7) Mùa xuân xinh đẹp đã về ! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về ! (Tô Hoài)
- (8) Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng. (*Em bé thông minh*)
- (9) Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. (Tô Hoài)
- (10) Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. (Tô Hoài)

Phó từ	Ý nghĩa	Phó từ	Ý nghĩa
Mẫu : (1) đã	Chỉ quan hệ thời gian		

3. Viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu kể lại việc Dế Mèn trêu chị Cốc, trong đoạn văn đó có sử dụng phó từ. Cho biết ý nghĩa của phó từ mà em sử dụng.

.....

.....

.....

.....
.....
– Phó từ đã dùng :.....

– Ý nghĩa :.....

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

1. Ngoài những tình huống mà NV6, 2, tr. 15 đã nêu, em hãy nêu thêm hai tình huống phải dùng văn miêu tả.

– Tình huống 1 :.....
.....

– Tình huống 2 :.....
.....

2. Từ kết quả của Bài tập 1, hãy nêu nhận xét về văn miêu tả.
.....
.....
.....

3. Chép lại hai đoạn văn miêu tả sinh động nhân vật Đế Mèn và Đế Choắt trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* và hoàn chỉnh bảng sau :

Đoạn văn miêu tả nhân vật	Đặc điểm nổi bật được miêu tả	Chi tiết, hình ảnh
Dế Mèn :		

Dế Choắt :		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

4. Đọc các đoạn trích trong Bài tập 1 (NV6, tr. 16, 17) rồi hoàn chỉnh bảng sau :

Đoạn	Đối tượng miêu tả	Đặc điểm nổi bật được miêu tả
1		
2		
3		

5. Để viết đoạn văn miêu tả một cơn mưa, em chọn những đặc điểm nổi bật nào ?

(Gợi ý : Xác định cơn mưa em chọn tả là cơn mưa nào ? (mưa rào/ mưa dông, to / nhỏ,... ; đoạn văn này định tả cơn mưa vào thời điểm nào ? (Đầu cơn mưa/ giữa cơn mưa/ sắp kết thúc cơn) ; những đặc điểm nổi bật của cơn mưa lúc đó là gì ? (chọn những từ tượng thanh, từ láy để tả))

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 19
SÔNG NƯỚC CÀ MAU

1. Văn bản miêu tả vùng sông nước Cà Mau theo trình tự nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Để có thể miêu tả theo trình tự ấy, tác giả quan sát ở vị trí nào ?

.....

.....

.....

3. Vì sao ở đoạn đầu văn bản, tác giả lại miêu tả khái quát thiên nhiên vùng Cà Mau ? Ghi lại những chi tiết miêu tả màu sắc, âm thanh của thiên nhiên Cà Mau. Nhận xét về cảnh được miêu tả.

—

.....

—

.....

.....

—

.....

.....

4. Hãy điền vào bảng sau các địa danh vùng Cà Mau và cách giải thích nguồn gốc địa danh. Những địa danh đó cho thấy thiên nhiên Cà Mau có đặc điểm gì ?

Địa danh	Giải thích nguồn gốc địa danh

– Thiên nhiên Cà Mau có đặc điểm :

.....

.....

.....

- 5*. “Ở đây, người ta gọi tên đất, tên sông không phải bằng những danh từ mỹ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên...”. Thực tế, cách đặt địa danh theo đặc điểm riêng không chỉ ở Cà Mau mới có mà khá phổ biến ở Nam Bộ. Em hãy tìm thêm một số ví dụ.

.....

.....

.....

.....

.....

6. Ở đoạn cuối văn bản, chợ Năm Căn ngoài những nét chung giống các chợ vùng cận biển còn có những nét đặc sắc riêng. Em hãy ghi lại những chi tiết thể hiện những nét đặc sắc riêng đó.

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
7*. Văn bản có đề cập đến những dân tộc nào ? Em có hiểu biết gì về những dân tộc đó ?

.....
.....
.....
.....
8. Nhận xét về các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong văn bản.

SO SÁNH

1. Hãy điền các tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu sau vào mô hình so sánh :

a. “Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện.” (Đoàn Giỏi)

b. “Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.” (Tô Hoài)

c. Trăng tròn như cái đĩa.

d. “Trường Sơn : chí lớn ông cha
Cửu Long : lòng mẹ bao la sóng trào.”

(Lê Anh Xuân)

e. “Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.” (Thép Mới)

Phần trích	Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để so sánh)
a				
b				
c				
d				
e				

2. Hãy nối cột A với cột B để hoàn chỉnh những câu văn có sử dụng phép so sánh.

A	B
(a) Hai chiếc răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp	(1) như thác
(b) Gọi là kênh Bọ Mắt vì ở đó tụ tập không biết cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy	(2) như hai lưỡi liềm máy
(c) Dòng sông Năm Căn mênh mông nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm	(3) như hai dãy trường thành vô tận
(d) Thuyền xuôi giữa hai dòng con sông rộng lớn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng cao ngất	(4) như những đám mây nhỏ

3. Em hãy tìm ví dụ về so sánh đồng loại và khác loại và điền vào bảng dưới đây.

So sánh		Ví dụ
Đồng loại	người với người	Mẫu : “Người là Cha, là Bác, là Anh...” (Tố Hữu)
	vật với vật	
Khác loại	vật với người	
	Cái trừu tượng với cái cụ thể	

4. Hãy kể tên một số từ so sánh mà em biết.

.....

.....

5. Hãy điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ có sử dụng phép so sánh dưới đây.

– “Hỡi cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thể đội mây về làng.”
(ca dao)

– “Anh em như
Anh em hoà thuận hai thân vui vầy.”
(ca dao)

– bạc như

– trắng như

– đen như

.....

QUAN SÁT, TƯỢNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

1. Để miêu tả thành công một đối tượng cần chú ý những điều gì ? Vì sao ?
.....
.....
.....
.....
.....
2. Hãy khoanh tròn chữ cái đầu những chi tiết mà em lựa chọn để miêu tả cảnh bình minh.
 - a. Giọt nắng ban mai dịu nhẹ.
 - b. Không khí trong lành và trong gió thoảng mùi hương.
 - c. Làng mạc xa xa chìm mờ trong bóng tối.
 - d. Vài giọt sương còn đọng trên lá.
 - e. Văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng.
 - f. Trời nắng chói chang.
 - g. Khói bếp ban mai làm ấm cả lòng người.
3. Đọc đoạn văn : “Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.” (Tô Hoài) và thực hiện các yêu cầu sau :
 - a. Tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả Dế Choắt về :
 - Thân hình :
 - Cánh :
 - Càng :
 - Râu :
 - Mặt :

b. Gạch dưới những câu văn trong đoạn có sự liên tưởng so sánh (dựa vào từ so sánh).

c. Chỉ ra nét độc đáo của sự liên tưởng so sánh ấy.

.....

.....

.....

4. “Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đời ta gặp bao nhiêu người, phải thấy ra mỗi người mỗi khác nhau không một ai giống ai.” (Tô Hoài – dẫn theo Bài đọc thêm NV 6, 2, tr. 30)

Trong đoạn văn trên, tác giả đã đề cập đến thao tác nào khi làm văn miêu tả ?

.....

.....

.....

.....

5. “Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi từng tảng rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.”

Đoạn văn miêu tả Dế Mèn trên giúp em hình dung được những đặc điểm nổi bật nào của nhân vật ? Đặc điểm nổi bật đó thể hiện qua những từ ngữ và hình ảnh nào ?

—

—

.....

.....

6. Viết đoạn văn ngắn khoảng 10 câu, miêu tả quang cảnh làng quê sau cơn mưa.

(Gợi ý : Có thể dựa vào các ý sau :

- Khung cảnh bầu trời : trong trẻo, sáng hẳn lên, một màu xanh dễ chịu... trời bắt đầu hửng nắng...
- Cây lá : được rửa sạch bụi bặm, trở lại với sắc xanh...
- Con đường : nếu đường đất thì nổi bùn và đường đi lại khó khăn hơn, nếu đường nhựa thì trở nên sạch và xanh, con đường như được tắm mát sau bao ngày oi bức....
- Không khí : trong lành và thoáng đãng, mát mẻ...
- Người đi đường : như cảm nhận được cái mát sau cơn mưa...)

[illegible]

Bài 20

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

1. Sắp xếp các chi tiết sau đây theo đúng trình tự kể của truyện *Bức tranh của em gái tôi* rồi viết lại thành một đoạn văn ngắn tóm tắt truyện.
 - (1) Kiều Phương đoạt giải nhất trong cuộc thi vẽ, cả nhà vui mừng, người anh miễn cưỡng đi xem triển lãm tranh của em.
 - (2) Kiều Phương là cô em gái hay bôi bẩn lên mặt, hay lục lọi đồ đạc của anh trai làm người anh bực mình.
 - (3) Người anh tỏ ra không vui, hay bực dọc với em gái.
 - (4) Kiều Phương bí mật học vẽ, tài năng của em bất ngờ được phát hiện.
 - (5) Đứng trước bức tranh đoạt giải của em gái, người anh hối hận vô cùng.

Thứ tự kể : ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Đoạn văn tóm tắt :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy ghi lại các chi tiết thể hiện diễn biến tâm trạng của người anh trong những tình huống sau :

– Khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện :

.....

.....

.....

– Khi xem trộm tranh của em :.....

.....
.....

– Khi em gái được mời tham gia trại vẽ quốc tế :

.....
.....

– Khi đứng trước bức tranh đạt giải của em gái mình :

.....
.....

3. Em hãy đóng vai Kiều Phương viết một đoạn thư cho anh với ý : Anh đừng tự trách mình vì có lúc em cũng có lỗi, làm anh buồn.

(Gợi ý : có thể nêu lí do mình làm anh buồn :

- Hay bôi bẩn lên mặt mũi, nhà cửa.
- Tự ý lục lọi đồ đạc của anh làm anh khó chịu.
- Hay vênh mặt, dẫu môi chọc tức anh...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Em hãy lí giải nguyên nhân khiến người anh cảm thấy ngỡ ngàng, hãnh diện và xấu hổ khi đứng trước bức tranh của em gái mình.

– Ngỡ ngàng vì :

.....
.....
– Hãnh diện vì :.....
.....
.....

– Xấu hổ vì :
.....
.....

5. Em hãy đóng vai người anh để nói lời cảm ơn em gái vì những điều em mang đến cho mình.

(Gợi ý : có thể triển khai các ý sau :

- Em đã mang đến cho anh niềm tự hào về bản thân, xoá tan sự mặc cảm, ganh tị trong anh...
 - Anh được đón nhận từ em lòng nhân hậu, yêu thương...
 - Em đã dạy anh cách đem đến niềm vui cho mọi người...)
-
.....
.....
.....
.....
.....
.....

LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯỚNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

1. Từ những chi tiết trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* và sự tưởng tượng của mình, em hãy tả lại nhân vật Kiều Phương.

(Gợi ý : chú ý các chi tiết về tuổi tác, dáng dấp, nước da, mái tóc, gương mặt, đôi mắt, nụ cười, đôi tay khi cầm cọ, tính tình...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy đóng vai người mẹ để tả thái độ cậu con trai khi xem lén tranh của em gái mình.

(Gợi ý : dáng điệu len lén, cái nhìn chăm chú, ánh mắt buồn buồn, tiếng thở dài...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Em hãy lập dàn ý cho bài luyện nói miêu tả về người anh, chị hay em mình.

(Gợi ý : Mở bài : giới thiệu chung về người được tả (ai, tuổi tác, quan hệ) ; Thân bài : tả chi tiết (về hình dáng, những nét nổi bật, tính tình) ; Kết bài : nhận xét chung về người được tả, tình cảm của em với người ấy.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em hãy lập dàn ý cho bài luyện nói về vẻ đẹp của một đêm trăng mà em quan sát được.

(Gợi ý : Mở bài : giới thiệu thời gian, địa điểm (Đêm trăng đó ở đâu ? Em quan sát được trong dịp nào ?...) ; Thân bài : tả chi tiết bầu trời đêm (mặt trăng, mây, ánh trăng, gió, cảnh vật dưới ánh trăng... ; nên dùng hình ảnh so sánh để làm nổi bật vẻ đẹp của đêm trăng) ; Kết bài : nhận xét chung về đêm trăng, và nêu cảm xúc của em.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Em hãy đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh để tả cảnh biển lúc hoàng hôn.

Mẫu :

– “Mặt trời xuống biển như hòn lửa.” (Huy Cận)

– “Biển lặng, đỏ đục, dày như mâm bánh đúc.” (Vũ Tú Nam)

– Mặt trời :

.....

– Bầu trời :

.....

– Mặt biển :

.....

– Sóng biển :

.....

– Những con thuyền :

.....

– Bãi cát :

.....

6. Em hãy viết một đoạn văn tả lại vẻ đẹp của nhân vật Mị Nương (truyện thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*) hoặc Thạch Sanh (truyện cổ tích *Thạch Sanh*) theo trí tưởng tượng của mình.

(Gợi ý : tả hình dáng, trang phục, gương mặt, mái tóc, hành động... của nhân vật đó theo trí tưởng tượng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 21

VƯỢT THÁC

1. Em hãy ghi lại những chi tiết tả ngoại hình và hành động của dượng Hương Thư.

a. Ngoại hình :

.....

.....

b. Hành động :

.....

.....

.....

2. Ghi lại câu văn có sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả dượng Hương Thư. Cho biết tác dụng của các phép so sánh đó.

—

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Tìm những chi tiết gợi tả bức tranh thiên nhiên trong bài viết.
(Gợi ý : tìm các chi tiết về bãi dâu, vườn tược, chòm cổ thụ, núi, thác nước nước, dòng sông, núi, cây to...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả của tác giả ?

.....

.....

.....

.....

5. Hình ảnh dựng Hương Thư trong cuộc vượt thác giúp em cảm nhận được điều gì về thiên nhiên và con người lao động ?

.....

.....

.....

SO SÁNH (tiếp theo)

1. Em hãy cho hai ví dụ về phép so sánh ngang bằng và hai ví dụ về phép so sánh không ngang bằng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tìm phép so sánh trong các phần trích và hoàn chỉnh bảng sau :

- a. “Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.”

(Trần Quốc Minh)

- b. “Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè...”

(Tế Hanh)

- c. “Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm.”

(Tố Hữu)

- d. “Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.”

(Minh Huệ)

- e. “...khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì họ nắm được chìa khoá chốn lao tù...” (Đô-đê)

Phần trích	Vế A (sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để so sánh)	Kiểu so sánh
a	Mẫu : ngôi sao	thức	chẳng bằng	mẹ thức	so sánh không ngang bằng
					
b					
					
c					
					
d					
					
e					
					

3. Nói rõ tác dụng của một phép so sánh ở Bài tập 2.

(Gợi ý : Chỉ rõ phép so sánh, tìm hiểu giá trị gợi hình, gợi cảm của hình ảnh dùng để so sánh, từ đó cảm nhận được rõ hơn, cụ thể hơn đối tượng được so sánh một cách cụ thể, sinh động hơn.)

.....

.....

.....

.....

.....

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần Tiếng Việt) : RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

1. Điền vào chỗ trống các từ sau sao cho đúng :

a. *ăt* hay *ăc* :

th..... m.....	co th.....	gi..... già	son s.....	khởi s.....	gieo r.....
dù d.....	khe kh.....	kh..... nghiệt	cứng ng.....	trục tr.....	gi..... giữ

b. *et* hay *ec* :

bánh t.....	hộp qu.....	eng.....	chọc l.....	toe to.....	tái m.....
nhồi nh.....	nhậu nh.....	, con v.....	mô đ.....	ph.....-mơ-tuya	

c. *ut* hay *uc* :

bút r.....	năng l.....	lông ng.....	cướp gi.....	tột b.....	gạo l.....
cùng c.....	chầu ch.....	vuông v.....	rạn n.....	bực t.....	nóng n.....

d. *en* hay *eng* :

lang b.....	loa k.....	cái x.....	l..... ph.....	bon ch.....	quên b.....
l..... k.....	đường ph.....	xà b.....	toòng t.....	tòn t.....	b..... l.....

e. *un* hay *ung* :

mèo m.....	sượng s.....	rửa c.....	tham nh.....	ướt s.....	than b.....
con tr.....	côn tr.....	mưa ph.....	đất l.....	v..... nước	thẹn th.....
kinh kh.....	mảnh v.....				

f. *om*, *ôm* hay *ơ* :

cục g.....	thu g.....	trông n.....	sáng s.....	mắm t.....	b..... mìn
cá c.....	lồm c.....	om s.....	bú m.....	ôm đ.....	đom đ.....
n..... nớp					

2. Khoanh tròn vào số thứ tự ở đầu từ có hình thức chính tả đúng.

(1) *Im lặng* :

a. phăng phắc b. phăn phắt

(2) *Làm nhanh* :

a. phăng phắc b. phăn phắt c. phăng phắt d. phăn phắc

(3) *Nói nhanh, lỡ lời :*

a. buột miệng b. buộc miệng

(4) *Không giống như thường lệ :*

a. khang khác b. khan khát c. khan khác

(5) *Tiếng chân đi :*

a. rậm rịch b. rậm rịt

(6) *Lợn kêu :*

a. ụt ịt b. ục ịch c. ục ịt d. ụt ịch

(7) *Tắm lòng :*

a. son sắc b. son sắt

(8) *Xảy ra đột ngột :*

a. bắc thần b. bất thần

(9) *Ăn chơi quá độ :*

a. bạc mạng b. bạt mạng

3. Khoanh tròn số thứ tự ở từ có hình thức chính tả đúng.

1a. vỡ lẽ	1b. vỡ lẽ	7a. lữ lự	7b. lủ lự
1c. vỡ lẽ	1d. vỡ lẽ	8a. lổ mǎng	8. lổ mǎng
2a. ầm ĩ	2b. ầm ỉ	9a. bãi bỏ	9b. bãi bỏ
3a. sợ hãi	3b. sợ hải	10a. vững vàng	10b. vững vàng
4a. hốt hải	4b. hốt hãi	11a. kiên nhẫn	11b. kiên nhẫn
5a. bổ bã	5b. bổ bã	12a. niềm nở	12b. niềm nở
6a. lỗ chỗ	6b. lỗ chỗ	13a. lǎng đǎng	13b. lǎng đǎng

4. Tìm 3 từ có vần *un*, 3 từ có vần *ut*. (ví dụ : *dùn, hựt*)

.....
.....

5. Đặt câu để phân biệt hai từ *chuồn* và *chuồng*.

– Chuồn :

– Chuồng :

6. Đặt câu để phân biệt hai từ *mứt* và *mức*.

– Mứt :

– Mức :

PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH

1. Đọc văn bản b và c trong Bài tập 1, NV6, 2, tr. 45, 46 rồi hoàn chỉnh bảng sau :

Văn bản	Nội dung miêu tả	Hình ảnh tiêu biểu	Trình tự miêu tả
b			
			
			
			
c	—		
			
	—		
			
	—		
			

- 2*. Đọc văn bản a (Bài tập 1, NV6, 2, tr. 45) và cho biết :

- a. Vì sao có thể nói, qua hình ảnh dựng Hương Thư trong một chặng đường vượt thác, ta có thể hình dung được những nét tiêu biểu của cảnh sắc của khúc sông này ?

.....

.....

.....

.....

- b. Phương pháp tả cảnh của đoạn văn này là gì ?

.....

.....

3. Cho đề bài : *Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn.* Em hãy :

a. Liệt kê những hình ảnh mà em quan sát được trong giờ học.

(Gợi ý : hình ảnh cô giáo (thầy giáo), không khí lớp học, quang cảnh chung của phòng học (bảng đen, bàn ghế,...), cảnh viết bài, cảnh sân trường, tiếng trống,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Trong số các hình ảnh ở mục a, em chọn để tả những hình ảnh tiêu biểu nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c. Em sẽ miêu tả các hình ảnh ấy theo trình tự nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em hãy lập dàn ý cho đề bài trên.

(Gợi ý : Mở bài : giới thiệu giờ viết bài tập làm văn (Khi nào ? Ấn tượng của em ?) ; Thân bài : sắp xếp những hình ảnh tiêu biểu đã chọn ở bài tập 1 theo trình tự em dự định miêu tả ; Kết bài : cảm nghĩ của em về tiết học.)

[illegible]

5. Viết đoạn văn hoàn chỉnh để diễn đạt một phần trong dàn ý trên.

(Gợi ý : sử dụng các thao tác quan sát, so sánh, nhận xét. Dùng từ tượng thanh, từ láy...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 – VĂN TẢ CẢNH

Chọn làm một trong các đề sau :

Đề 1 : Hãy tả lại hình ảnh cây đào hoặc cây mai vàng trong dịp Tết đến, xuân về.

(Gợi ý : giới thiệu chung về cây hoa định tả (Cây gì ? Ở đâu ?, ...) ; quan sát và lựa chọn những hình ảnh cụ thể, tiêu biểu (dùng từ tượng thanh, từ láy, phép nhân hoá, so sánh...) để lần lượt tả vẻ đẹp của cây hoa theo trình tự quan sát ở những góc độ và thời điểm khác nhau ; nêu nhận xét và suy nghĩ về vẻ đẹp, lợi ích của cây hoa đối với đời sống con người hoặc tình cảm, cảm xúc của em đối với cây.)

Đề 2 : Hãy tả về một buổi sáng mùa xuân ở thành phố (làng quê) em.

(Gợi ý : giới thiệu chung về thành phố (làng quê) em vào một buổi sáng mùa xuân ; lần lượt miêu tả theo trình tự không gian, thời gian những chi tiết tiêu biểu, riêng biệt về không khí, hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hương vị... của mùa xuân ở địa phương em. Chú ý làm nổi bật đặc điểm ấm áp, rực rỡ của thiên nhiên và của tình người do mùa xuân mang về ; nêu tình cảm, cảm xúc của em về thành phố (hoặc về làng quê) vào buổi sáng ấy.)

Đề 3 : Tả lại hình ảnh dòng sông quê em.

(Gợi ý : giới thiệu chung về dòng sông (Tên gì ? Ở đâu ?, ...) ; chọn lựa những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, đặc sắc rồi tả sâu ở một thời điểm nhất định hoặc tả theo từng thời điểm khác nhau trong ngày. Chú ý làm nổi bật nét riêng của dòng sông quê em, có thể đó là những hình ảnh gắn bó với tuổi thơ của em ; nêu tình cảm, cảm xúc của em mỗi lần ngắm dòng sông hoặc về lại bên sông.)

Đề 4 : Hãy tả cảnh một công viên mà em có dịp đến chơi vào một buổi sáng đẹp trời.

(Gợi ý : giới thiệu chung về công viên (Vị trí ? Tên gọi ? Giá trị lịch sử (nếu có) ?, ...) ; có thể tả theo trình tự từ ngoài vào trung tâm, sau đó tả một vài

khu vực đặc sắc nhất, có sự hoạt động của con người vào buổi sáng ; nêu suy nghĩ, cảm xúc của em mỗi lần đến nơi này.)

Đề 5 : Hãy tả lại ngôi trường thân yêu, nơi em đang học.

(Gợi ý : Giới thiệu chung về ngôi trường (Vị trí ? Tên gọi ?) ; tả bao quát rồi chi tiết từ ngoài vào trong rồi từng khu vực đã trở thành thân quen với em, chú ý đặc tả đặc điểm riêng, nổi bật của trường hoặc một nơi nào đó có kỉ niệm với em...). Có thể giới thiệu một số phong trào, nề nếp của trường ; tình cảm của em đối với ngôi trường, hay ước mơ của em về ngôi trường trong tương lai...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 22

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

1. Em hãy kể tóm tắt văn bản *Buổi học cuối cùng*.
(Gợi ý : kể theo trình tự :
 - Quang cảnh xung quanh và tâm trạng của chú bé Phrăng trên đường tới trường.
 - Diễn biến buổi học cuối cùng : Phrăng không thuộc bài, thái độ của thầy Ha-men.
 - Buổi học kết thúc và hành động đột ngột của thầy Ha-men.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy ghi lại sự chuyển biến tâm trạng của Phrăng trước, trong và sau buổi học. Vì sao có sự chuyển biến ấy ?

a. Tâm trạng của Phrăng trước buổi học :

.....

.....

b. Tâm trạng của Phrăng trong buổi học :

.....

.....

.....

.....

.....

c. Nguyên nhân của sự thay đổi :

.....

.....

3. Em hãy trình bày cảm nghĩ của mình về nhân vật thầy Ha-men.

(Gợi ý : dựa vào những biểu hiện của nhân vật như trang phục ; thái độ đối với học sinh ; những lời nói về việc học tiếng Pháp ; hành động, cử chỉ lúc buổi học kết thúc.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em hiểu thế nào về câu nói của thầy Ha-men : “... khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì họ nắm được chìa khoá chốn lao tù.”.

(Gợi ý : Học sinh dựa vào ý nghĩa, giá trị của tiếng nói dân tộc, ý nghĩa ẩn dụ của cụm từ “chìa khoá chốn lao tù”)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Đọc đoạn thơ sau và nêu cảm nghĩ của em về “tiếng mẹ đẻ” – tiếng nói của dân tộc.

“Mơ hồ thắm từng âm thanh tiếng mẹ
Tôi bỗng tỉnh ra tới giây phút lạ lùng
Tôi chợt hiểu, người chữa tôi khỏi bệnh
Chẳng thể là ai, ngoài tiếng mẹ đẻ thân thương.”

(Ra-xun Ga-ma-tốp)

.....

.....

.....

.....

NHÂN HOÁ

1. Tìm phép nhân hoá có trong các phần trích sau và điền vào bảng phân tích phép nhân hoá bên dưới.

- | | |
|--------------------|-------------|
| a. “Ông trời | Múa gươm |
| Mặc áo giáp đen | Kiến |
| Ra trận | Hành quân |
| Muôn nghìn cây mía | Đầy đường.” |

(Trần Đăng Khoa)

- b. “Chị Vàng dịu dàng nhường búi cỏ cho con.”

(Hồ Phương)

- c. “Non xanh bao tuổi mà già
Bởi vì sương tuyết hoá ra bạc đầu.”

(ca dao)

- d. “Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.”

(Thép Mới)

- e. “Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.”

(ca dao)

- f. “Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két, ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một con mồi tép, có những anh cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào.”

(Tô Hoài)

BẢNG PHÂN TÍCH CÁC PHÉP NHÂN HOÁ

Phần trích	Đối tượng được nhân hoá	Từ ngữ thực hiện phép nhân hoá	Kiểu nhân hoá	Tác dụng
a	Mẫu : trời	ông	Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.	Sự vật trở nên gần gũi, có tình cảm như con người.
		mặc áo, ra trận	Dùng từ ngữ vốn dùng để chỉ hoạt động của người để chỉ hoạt động của vật.	
b				
				
				
c				
				
				
d				
				
				
e				
				
				
f				
				
				

2. Viết một đoạn văn miêu tả với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hoá. Gạch dưới phép nhân hoá.

(Gợi ý : Đoạn văn tả sự vật, không tả người. Dùng các từ chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất... của con người để tả sự vật đó)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI

1. Đọc các đoạn văn 1, 2, 3 (bài tập 1, NV6, 2, tr. 59, 60) và trả lời các câu hỏi :

a. Mỗi đoạn văn tả ai ? Người được tả có đặc điểm gì nổi bật ? Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh nào ?

Đoạn văn	Đối tượng miêu tả	Đặc điểm nổi bật	Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả
1			
			
			
			
			
			

2			
3			

b. Đoạn nào tập trung khắc hoạ chân dung nhân vật, đoạn nào tả người gắn với công việc ?

– Đoạn tập trung khắc hoạ chân dung nhân vật :

.....
.....

– Đoạn tả người gắn với công việc :

.....
.....

– Yêu cầu lựa chọn chi tiết và hình ảnh ở mỗi đoạn khác nhau như thế nào ?

.....
.....

2. Cho các đề bài :

- Tả một em bé đang tập đi.
- Tả một cụ già cao tuổi.
- Tả cô giáo đang giảng bài.

a. Em hãy cho biết, trong các đề tả người trên, đề nào yêu cầu tả chân dung, đề nào yêu cầu tả người trong tư thế hoạt động.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Em hãy nêu những chi tiết nổi bật sẽ lựa chọn để miêu tả đối tượng :

– Em bé :

.....

.....

.....

.....

– Cụ già :

.....

.....

.....

.....

.....

– Cô giáo :

.....

.....

.....

.....

.....

c. Tìm những tính từ, cụm tính từ để tả hình dáng, chân dung của mỗi người.

(Gợi ý : Thân hình : mũm mĩm (em bé) ; Giọng nói : trong trẻo, dịu dàng (cô giáo) ; Miệng : móm mém (cụ già))

– Em bé :

.....

.....

.....

– Cụ già :

.....

.....

.....

– Cô giáo :

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho đề bài : Miêu tả cô giáo của em khi cô đang giảng bài.

a. Dựa vào sự quan sát của mình, em hãy thêm nội dung để dàn ý sau được cụ thể, chi tiết.

– **Mở bài** : Giới thiệu cô giáo (giới thiệu tên, môn dạy, tiết dạy, thời gian dạy)

.....

.....

.....

– **Thân bài** : Tả chi tiết cô giáo trong tiết dạy.

+ Miêu tả ngoại hình : trạc tuổi, tầm vóc (cao/thấp), dáng điệu, nét mặt, đôi mắt, giọng nói...).

- + Miêu tả cử chỉ, hành động : lời giảng, việc làm, động tác (khi viết bảng, giảng bài, khi ân cần nhắc nhở học sinh...).

This image shows a full page of a handwriting practice worksheet. It features ten sets of horizontal dashed lines spaced evenly down the page, providing a guide for letter height and placement. The background is plain white, and there are no margins or additional markings.

– **Kết bài :** Tình cảm của em đối với cô giáo.

.....

.....

.....

.....

b. Em hãy lập dàn ý cho cho đề bài *Miêu tả em bé đang tập đi* theo mẫu gợi ý ở Bài tập 3.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 23

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

1. Em hãy tóm tắt diễn biến câu chuyện trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng :
 - a. Anh đội viên là người chứng kiến câu chuyện.
 - b. Anh đội viên là người tham gia vào câu chuyện.
 - c. Anh đội viên là người nghe kể lại câu chuyện.
 - d. Cả a và b đều đúng.
3. Vì sao hình tượng Bác Hồ lại được tác giả kể lại dưới góc nhìn và tâm trạng của anh đội viên ?
 - a. Làm cho hình tượng Bác Hồ hiện ra một cách tự nhiên, có tính khách quan.
 - b. Làm cho mối quan hệ giữa Bác Hồ và anh đội viên trở nên gần gũi, thân tình.
 - c. Cả a và b đều đúng.
4. Tìm chi tiết thể hiện tâm trạng của anh đội viên trong hai lần thức dậy, điền vào bảng và so sánh sự khác nhau của tâm trạng ấy. Tại sao trong bài thơ, tác giả không kể về lần thức dậy thứ hai của anh đội viên ?

	Chi tiết thể hiện tâm trạng	So sánh tâm trạng của anh đội viên ở hai lần thức dậy
Lần thứ nhất		
Lần thứ ba		

5. Qua những chi tiết tìm được ở bảng trong Bài tập 4, em hãy viết một đoạn văn ngắn thể hiện cảm nghĩ của em về hình tượng Bác Hồ trong bài thơ này.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Tìm những từ láy trong bài và cho biết giá trị biểu cảm của một số từ láy đặc sắc.

.....

.....

.....

.....

7. Em hãy tìm hiểu đặc điểm về thể thơ theo những nội dung sau :

– Số tiếng trong mỗi câu là :

.....

.....

– Số dòng trong mỗi khổ là :

.....

.....

– Vận được gieo ở vị trí nào trong một dòng thơ, ở những câu nào trong cả bài thơ :

.....

.....

.....

– Bài thơ được làm theo thể loại :

.....

.....

8. Hãy tìm hiểu những đặc điểm của thể loại *hát dặm* và cho biết, bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* có điểm gì giống với thể loại hát dặm.

(Gợi ý : có thể tìm thông tin trên Internet).

.....

.....

.....

.....

ẢN DỤ

1. Đọc kĩ các ví dụ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

- (1) “Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.” (Minh Huệ)
 - (2) “Về thăm quê Bác làng Sen
Có hàng râm bụt **thấp** lên **lửa hồng**.” (Nguyễn Đức Mậu)
 - (3) “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.” (Viễn Phương)
 - (4) “Chao ôi, trông con sông, vui như thấy **nắng giòn tan** sau kì dầm mưa, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. (Nguyễn Tuân)
- a. Viết ra cách diễn đạt tương đương của các từ in đậm và giải thích vì sao có thể liên tưởng như vậy.

Ví dụ	Cụm từ in đậm	Cách diễn đạt tương đương	Lí do
(1)	Người Cha	Mẫu : Bác Hồ	Người cha và Bác Hồ có nét giống nhau (tuổi tác, tình thương yêu con,...).
(2)			
			
			
			

(3)			
(4)			

b. Những từ ngữ in đậm được dùng theo phép gì ?

.....

c. So sánh cách diễn đạt của từ in đậm trong các ví dụ và cách diễn đạt tương đương em vừa tìm ra, nêu tác dụng của cách diễn đạt này.

(Gợi ý : có tính nghệ thuật, giàu hình ảnh hơn)

.....

.....

2. Tìm, phân tích phép ẩn dụ trong các ví dụ dưới đây và điền vào bảng.

a. “Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ơi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được.” (Xuân Quỳnh)

b. “Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.” (ca dao)

c. “Lươn ngắn lại chê chạch dài
Thồn bơn méo miệng chê trai lệch mồm.” (ca dao)

d. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. (Nguyễn Tuân)

Ví dụ	Phép ẩn dụ tìm được	Đối tượng ẩn dụ	Kiểu ẩn dụ
a			

b			
c			
d			

3. Em hãy tìm 5 ví dụ về thành ngữ, tục ngữ được cấu tạo theo lối ẩn dụ.

.....

.....

.....

.....

LUYỆN NÓI VỀ VĂN MIÊU TẢ

Cho đề văn : Nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20 – 11, em theo mẹ đến chúc mừng thầy giáo cũ của mẹ, nay đã nghỉ hưu. Em hãy tả lại hình ảnh thầy giáo trong giây phút xúc động gặp lại người học trò của mình sau nhiều năm xa cách.

Em hãy :

a. Lập dàn ý đề văn.

(Gợi ý : Mở bài : giới thiệu về lần đi theo mẹ để thăm thầy giáo cũ của mẹ nhân ngày 20 – 11 ; giới thiệu khái quát về người thầy giáo cũ của mẹ. Thân bài : hình dáng người thầy trong giây phút gặp gỡ đầu tiên ; cảm xúc của

[illegible]

.....
.....
.....
.....
b. Tập nói trước khi trình bày trước lớp.

(Chuẩn bị tâm lí tự tin, tác phong chững chạc, giọng nói to rõ, truyền cảm ;
xác định những nội dung cần thể hiện.)

Bài 24

LƯỢM

1. Em hãy xác định bố cục bài thơ và nội dung chính của mỗi đoạn.

– Đoạn 1 :

+ Từ đầu đến

+ Nội dung chính :

.....
.....

– Đoạn 2 :

+ Từ đầu đến

+ Nội dung chính :

.....
.....

– Đoạn 3 :

+ Từ đầu đến

+ Nội dung chính :

.....
.....

2. Tìm những chi tiết thể hiện hình ảnh Lượm trong đoạn đầu bài thơ.
Qua những chi tiết ấy, hình ảnh Lượm hiện lên như thế nào ?

	Chi tiết	Nhận xét
Trang phục		
Dáng điệu		
Cử chỉ		
Lời nói		

– Cảm nhận của em về Lượm qua những chi tiết vừa tìm được :

.....

.....

.....

3. Điền những chi tiết trong đoạn hai và nêu nhận xét của mình vào bảng dưới đây.

	Chi tiết thể hiện	Nhận xét
Hình ảnh Lượm trong chuyến đi liên lạc cuối cùng		
Sự hi sinh của Lượm		
Cảm xúc của tác giả		

4. Sự lặp lại ý của khổ hai và ba trong hai khổ thơ cuối có ý nghĩa gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

5. Khoanh tròn chữ cái đầu câu đúng nhất :
- Bài thơ *Lượm* kể và tả về nhân vật Lượm đồng thời thể hiện cảm xúc của tác giả đối với nhân vật.
 - Bài thơ *Lượm* thể hiện tình cảm đau xót, tiếc thương, trân trọng của tác giả đối với nhân vật Lượm.
 - Bài thơ *Lượm* kể về nhân vật Lượm với tình cảm cảm đau xót, tiếc thương, trân trọng của tác giả.

MƯA

(Tự học có hướng dẫn)

- Hãy tìm bố cục của bài thơ và xác định nội dung cơ bản của từng đoạn
 - Đoạn 1 : Từ đầu đến
 - Nội dung chính :
 -
 -
 - Đoạn 2 : Tiếp theo đến
 - Nội dung chính :
 -
 -
- Nhà thơ đã miêu tả những loài vật, loài cây nào trong cơn mưa ? Tìm những tính từ, động từ miêu tả hình dáng, trạng thái, hoạt động của các loài vật, loài cây ấy và điền vào bảng sau :

Loài vật, loài cây được miêu tả	Tính từ chỉ hình dáng	Tính từ chỉ trạng thái	Động từ chỉ hành động

3. Thông qua cách miêu tả ấy, em hãy cho biết biện pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong cả bài thơ. Tác dụng của biện pháp ấy.

a. Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu :.....

.....

b. Tác dụng :.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Nhịp điệu của bài thơ có giá trị gì trong việc thể hiện cơn mưa ?

—

.....

—

.....

5. Hình ảnh con người ở cuối bài thơ có một tư thế, sức mạnh, vẻ đẹp như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

6. Hãy viết một đoạn văn ngắn thể hiện cảm xúc, ấn tượng của em về một hình ảnh, hoặc nội dung mà em thấy thích nhất trong bài thơ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HOÁN DỤ

1. Tìm, phân tích phép ẩn dụ trong các ví dụ dưới đây và điền vào bảng.

a. “Đầu xanh đã tội tình gì
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.”
(Nguyễn Du)

b. “Cả làng quê, đường phố
Cả lớn nhỏ, gái trai
Đám càng đi càng dài
Càng dài càng đông mãi.”
(Thanh Hải)

c. “Áo nâu liền với áo xanh
Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.”
(Tố Hữu)

“Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành công.”

(Hoàng Trung Thông)

- e. “Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”

(ca dao)

Ví dụ	Phép hoán dụ tìm được	Đối tượng hoán dụ	Kiểu hoán dụ
a			
b			
c			
d			
e			

2. So sánh điểm giống và khác giữa hoán dụ và ẩn dụ.

	Ẩn dụ	Hoán dụ
Giống nhau		
Khác nhau		

3. Hãy tìm ba ví dụ có dùng phép hoán dụ.

.....
.....
.....

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ

1. Hãy ôn lại kiến thức về vần và hoàn chỉnh bảng sau :

Các cách gieo vần	Đặc điểm	Ví dụ
Vần chân		

Vần lưng		
Vần cách		
Vần liền		

2. Hãy nêu đặc điểm của thơ bốn chữ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Hãy làm một bài thơ (đoạn thơ) bốn chữ có nội dung kể chuyện hoặc miêu tả về một sự việc hay một con người nào đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 25

CÔ TÔ

1. Em hãy tìm bố cục của văn bản *Cô Tô*.

– Đoạn 1 : Từ đầu đến

+ Nội dung chính :

.....

.....

– Đoạn 2 : Tiếp theo đến

+ Nội dung chính :

.....

.....

– Đoạn 3 : Tiếp theo đến

+ Nội dung chính :

.....

.....

2. Tìm những hình ảnh, từ ngữ (đặc biệt là tính từ) miêu tả đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua. Qua những từ ngữ, hình ảnh ấy, đảo Cô Tô hiện lên như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đảo Cô Tô khi cơn bão đi qua và mặt trời lên được khắc hoạ qua hình ảnh nào, với những chi tiết nào ? So sánh vẻ đẹp của đảo Cô Tô khi cơn bão đi qua và khi mặt trời lên. Đoạn văn đã thể hiện tài năng gì của nhà văn ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo ? Qua những chi tiết ấy, cảnh sinh hoạt và lao động của người dân hiện lên như thế nào ?

—

.....

—

.....

.....

.....

5. Viết một đoạn văn ngắn thể hiện cảm xúc của em về bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người trên đảo Cô Tô.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

1. Tìm chủ ngữ và vị ngữ trong các câu sau :

- a. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. (Tô Hoài)
- b. Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống. (Tô Hoài)
- c. Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.

(Đoàn Giỏi)

- d. Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam... Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. (Thép Mới)

2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau. Cho biết mỗi chủ ngữ, vị ngữ có cấu tạo như thế nào ?

(Gợi ý : dùng các câu hỏi : Ai ? Con gì ? Cái gì ? để tìm chủ ngữ. Dùng câu hỏi : Làm gì ? Làm sao ? Như thế nào ? để tìm vị ngữ. Vận dụng kiến thức về cụm danh từ, cụm tính từ hoặc cụm động từ để xác định cấu tạo của chủ ngữ và vị ngữ)

- a. “Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên rất cường tráng.” (Tô Hoài)

-
- b. “Đôi càng tôi mẫm bóng.” (Tô Hoài)

-
- c. “Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.”

(Tô Hoài)

.....

d. “Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.” (Tô Hoài)

.....

.....

e. “Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.” (Tô Hoài)

.....

3. Đặt câu với các yêu cầu sau :

a. Bốn câu có vị ngữ trả lời cho câu hỏi : Làm gì ?, Làm sao ?, Như thế nào ?, Là gì ?

—

.....

—

.....

—

.....

—

.....

b. Ba câu có chủ ngữ trả lời cho các câu hỏi : Ai ?, Con gì ?, Cái gì ?

—

.....

—

.....

—

.....

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 – VĂN TẢ NGƯỜI

Đề 1 : Hãy miêu tả hình ảnh mẹ khi em bị ốm.

(Gợi ý : giới thiệu khái quát về mẹ, miêu tả khái quát hình dáng mẹ, nguyên nhân khiến em bị ốm, hình ảnh mẹ trong những ngày chăm em (tâm trạng, lời nói, cử chỉ, hành động... – sử dụng biện pháp so sánh, từ láy), suy nghĩ của em về mẹ...).

Đề 2 : Hãy miêu tả hình ảnh người cha khi em mắc lỗi.

(Gợi ý : giới thiệu khái quát về cha, miêu tả khái quát hình dáng cha, nguyên nhân khiến em bị mắc lỗi, hình ảnh cha khi biết chuyện (tâm trạng, lời nói, cử chỉ, hành động...), suy nghĩ của em về cha...).

Đề 3 : Miêu tả một người nào đó mà em có ấn tượng nhất.

(Gợi ý : Người được chọn tả phải là người gây ấn tượng tốt. Giới thiệu khái quát về người đó, hoàn cảnh khiến em gặp người đó, ngoại hình của người đó (khuôn mặt, cặp mắt, hình dáng...), việc làm cụ thể của người đó gây ấn tượng cho em, suy nghĩ của em về người đó...).

Bài 26

CÂY TRE VIỆT NAM

1. Để làm rõ ý : Tre có mặt ở khắp nơi trên đất nước và mang những phẩm chất đáng quý, tác giả dùng những chi tiết, hình ảnh nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Để làm rõ ý : Tre gắn bó với con người, tre khăng khít với đời sống hằng ngày, tác giả dùng những chi tiết, hình ảnh nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Để làm rõ ý : Tre gắn bó với dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước, tác giả dùng những chi tiết, hình ảnh nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Biện pháp nghệ thuật nổi bật nào được tác giả sử dụng để thể hiện những phẩm chất của tre ? Tìm dẫn chứng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Dựa vào đoạn kết văn bản và hình dung, tưởng tượng của mình, em hãy viết một đoạn văn về vai trò của cây tre trong tương lai.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Nêu đại ý, bố cục của văn bản và ý chính của mỗi đoạn.

a. Đại ý :

.....

.....

b. Bố cục :

—

.....

—

.....

—

.....

—

.....

7. Văn bản *Cây tre Việt Nam* thuộc thể loại gì ? So sánh thể loại của văn bản này với văn bản *Cô Tô* của Nguyễn Tuân.

.....

.....

.....

8. Sưu tầm thơ văn nói về cây tre.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu các câu trần thuật đơn trong các câu sau đây.

(Gợi ý : dựa vào đặc điểm cấu tạo (có một cụm C – V) và đặc điểm mục đích để tìm câu trần thuật đơn)

- a. Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. (Nguyễn Tuân)
- b. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. (Nguyễn Tuân)
- c. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. (Nguyễn Tuân)
- d. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày dông bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. (Nguyễn Tuân)
- e. Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. (*Con Rồng cháu Tiên*)
- f. Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều. (*Con hổ có nghĩa*)
- g. Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam. (Thép Mới)
- h. Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hàng ngày. (Thép Mới)
- i. Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. (Thép Mới)
- j. Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. (Tô Hoài)
- k. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. (Tô Hoài)

2. Nêu tác dụng của các câu trần thuật đơn vừa tìm được ở Bài tập 1.

Câu	Tác dụng

3. Hãy tìm hiểu cách thức giới thiệu nhân vật của các câu trần thuật đơn giới thiệu nhân vật sau đây và đánh dấu vào bảng.

- Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. (*Con Rồng cháu Tiên*)
- Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. (*Thánh Gióng*)
- Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. (*Sơn Tinh, Thủy Tinh*)
- Ngày xưa ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. (*Thạch Sanh*)
- Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà mua gỗ để làm nghề đẽo cày. (*Đẽo cày giữa đường*)

Câu	Giới thiệu nhân vật bằng						
	Nguồn gốc	Họ tên	Phẩm chất, tư cách	Hình dáng	Tính nết	Hoàn cảnh	Hành động
a							
b							
c							
d							
e							

HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN : THI LÀM THƠ NĂM CHỮ

1. Đọc kĩ các đoạn thơ trong NV6, 2, tr. 104, hoàn chỉnh bảng dưới đây rồi rút ra đặc điểm của thơ năm chữ (về cách ngắt nhịp, vần, khổ thơ).

Đoạn thơ	Số chữ trong mỗi dòng	Nhịp	Vần	Khổ thơ
Đoạn 1				
				
				
				
				
				
Đoạn 2				
				
				
				
				
				
Đoạn 3				
				
				
				

– Đặc điểm :

.....

.....

2. Chép hai đoạn thơ năm chữ mà em biết, nhận xét cách gieo vần, ngắt nhịp.

a. Đoạn thơ 1 :

.....

.....

.....

Nhận xét :.....

.....

.....

.....

b. Đoạn thơ 2 :

.....

.....

.....

Nhận xét :.....

.....

.....

.....

3. Hãy làm một bài thơ hoặc một đoạn thơ năm chữ theo một trong hai yêu cầu sau :

a. Mô phỏng theo vần hoặc nhịp theo đoạn thơ của Trần Hữu Thung (NV6, 2, tr. 105).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- b. Một trong những nội dung : tình cảm gia đình, cha mẹ, trường lớp, thầy cô.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 27

LÒNG YÊU NƯỚC

1. Nêu đại ý của bài văn.

(Gợi ý : chú ý câu in nghiêng ở giữa văn bản)

.....

.....

.....

2. Đọc văn bản từ đầu đến “lòng yêu Tổ quốc”, cho biết :

a. Đoạn văn gồm các đoạn nhỏ nào ? Ý chính của mỗi đoạn.

—

.....

—

.....

—

.....

b. Trình tự lập luận trong đoạn văn :

.....
.....

3. Khi có chiến tranh, mỗi người dân Xô Viết đã phát hiện ra vẻ đẹp của quê hương mình như thế nào ? Các phát hiện đó chứng tỏ điều gì ?

—

.....
.....

—

.....
.....

—

.....
.....

—

.....
.....

—

.....
.....

—

.....
.....

5. Theo tác giả, lòng yêu nước được bắt nguồn từ đâu ? Em hãy kể thêm những biểu hiện của lòng yêu nước trong tình hình hiện nay.

—

.....
.....

-
.....
.....
.....
6. “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.”

Tác giả khái quát lòng yêu Tổ quốc bằng những hình ảnh cụ thể nào ?
Em có nhận xét gì về cách diễn đạt của tác giả ?

—
.....
—
.....
.....

LAO XAO

1. Tiêu đề của văn bản là *Lao xao*. Theo em nghĩa của từ *lao xao* trong văn bản này là gì ?

.....
.....

2. Văn bản *Lao xao* thuộc thể loại gì ?

.....
.....

3. “Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở trắng xoá. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.”

Đoạn văn trên cho em biết tác giả miêu tả thời khắc nào trong ngày ? Qua cách miêu tả đó em cảm nhận thế nào về cảnh vật của một vùng quê nông thôn ?

.....

.....

.....

.....

.....

4. Trong văn bản, các loài chim được miêu tả rất sinh động và hấp dẫn, mỗi loài đều có nét đặc sắc nổi bật. Em hãy chỉ ra những nét đó.

—

—

—

—

—

—

—

—

—

5. Việc tác giả phối hợp các phương thức biểu đạt kể, tả và bình luận khiến cho hình ảnh của các loài chim rõ nét, em hãy cho ví dụ.

— Nói về họ nhà sáo :

.....

— Nói về chèo bẻo :

.....

— Nói về chim cắt :

.....

6. Tìm dẫn chứng về các chất liệu văn hoá dân gian được sử dụng trong văn bản.

– Thành ngữ :.....

.....

– Đồng dao :

.....

– Tên truyện dân gian :.....

.....

7. Em hiểu thế nào về thành ngữ “Kẻ cắp gặp bà già”. Trong văn bản này ai là “kẻ cắp”, ai là “bà già” ?

.....

.....

.....

8. Cách cảm nhận đậm chất dân gian về các loài chim trong bài tạo nên nét đặc sắc gì và có điều gì chưa xác đáng ?

.....

.....

.....

.....

9. Hãy nêu cảm nhận của em sau khi tìm hiểu bức tranh quê đầy màu sắc của tác giả.

(Gợi ý : Có thể theo một trong những các gợi ý sau :

– Thấy thích thú và yêu mến hơn các loài chim, bắt đầu tập quan sát và tìm hiểu chúng để hiểu chúng hơn.

– Cảm phục khả năng quan sát tinh tường và vốn hiểu biết phong phú của tác giả.

– Thấy yêu thiên nhiên và có ý thức giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ “LÀ”

- Xác định chủ ngữ, vị ngữ của các câu dưới đây để tìm các câu trần thuật đơn có từ *là* rồi khoanh tròn vào chữ cái đầu những câu tìm được.
(Gợi ý : dựa vào đặc điểm của vị ngữ như *Ghi nhớ* NV6, 2, tr.114 để tìm)
 - Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. (*Sơn Tinh, Thủy Tinh*)
 - Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.
(Nguyễn Tuân)
 - Dế Mèn trêu chị Cốc là đại.
 - Cùng họ với điều hâu là quạ. (Duy Khán)
 - Tuổi thơ im lặng* là tập hồi kí tự truyện của Duy Khán.
 - Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà. (*Thánh Gióng*)
 - Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm chủ vị tạo thành.
- Nêu tác dụng của những câu trần thuật đơn có từ *là* mà em đã tìm được ở Bài tập 1 và điền vào bảng sau.

Câu	Tác dụng

3. Bài tập 3 (NV6, 2, tr. 116)

(Gợi ý : Có thể dùng câu trần thuật đơn có từ *là* để giới thiệu hoặc nêu nhận xét về bạn đó.)

.....

.....

.....

.....

Bài 28

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÍ

1. Hãy đọc lại các văn bản đã học từ bài 18 đến bài 27, rồi hoàn chỉnh bảng sau :

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung (đại ý)	Nghệ thuật nổi bật
1	Bài học đường đời đầu tiên (trích <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i>)	Tô Hoài	truyện		

4	<i>Vượt thác</i> (trích <i>Quê nội</i>)	Võ Quảng	truyện		
5	<i>Buổi học cuối cùng</i>	An-phông-xơ Đô-đê (Pháp)	truyện ngắn		
6	<i>Cô Tô</i> (trích)	Nguyễn Tuân	kí		
7	<i>Cây tre Việt Nam</i>	Thép Mới	kí (tùy bút – trữ tình)		

2. Em hãy hoàn chỉnh bảng sau (đánh dấu × vào vị trí tương ứng).

BẢNG SO SÁNH TRUYỆN VÀ KÍ

Tên văn bản	Thể loại	Cốt truyện	Nhân vật	Nhân vật kể chuyện
<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	Truyện			
<i>Sông nước Cà Mau</i>	Truyện			
<i>Bức tranh của em gái tôi</i>	Truyện			
<i>Vượt thác</i>	Truyện			
<i>Buổi học cuối cùng</i>	Truyện			
<i>Cô Tô</i>	Kí			
<i>Cây tre Việt Nam</i>	Kí			
<i>Lòng yêu nước</i>	Kí			
<i>Lao xao</i>	Kí			

3. Nhìn vào bảng so sánh ở bài tập 2 và cho biết điểm giống nhau và khác nhau giữa hai thể loại truyện và kí.

(Gợi ý : văn bản *Sông nước Cà Mau* và *Vượt thác* là đoạn trích truyện, nên không có đầy đủ các yếu tố của truyện)

– Giống :

.....

.....

.....

– Khác :

.....

.....

.....

.....

4. Hãy xác định những câu văn sau là lời của ai ? Nằm trong tác phẩm nào ? Có ý nghĩa gì ?

a. “Chao ôi, có biết đâu hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.... Thế mới biết, nếu

đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù sau có hối cũng không thể làm lại được.”

- b. “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất : yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.”
- c. “Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.”
- d. “Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa của chốn lao tù.”
- e. “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đây.”

Câu	Lời của	Tác phẩm	Ý nghĩa
a			
			
			
			
b			
			
			
			
			
			
c			
			
			
			

d			
e			

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ “LÀ”

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau :
 - a. “Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính.”
(Thép Mới)
 - b. “Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời.” (Thép Mới)
 - c. “Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng.”
(Thép Mới)
 - d. “Măng trời lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trời dậy.”
(Thép Mới)
 - e. “Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt.”
(Tô Hoài)
 - f. “Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng.”
(Tô Hoài)
 - g. Trên bìa quyển sách vẽ một em học sinh.
 - h. Trên tường đã dán sẵn mấy bức ảnh.

2. Hãy cho biết, những câu trong Bài tập 1 câu nào là câu miêu tả, câu nào là câu tồn tại.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ	Loại câu
a			
b			
c			
d			
e			
f			
g			
h			

3. Viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu tả cảnh trường em, trong đó có sử dụng ít nhất một câu tồn tại.

(Gợi ý : có thể tả cảnh trường trong giờ ra chơi hoặc tan học. Khi tạo câu tồn tại, cần tạo những câu có trạng ngữ chỉ không gian hoặc thời gian và vị ngữ là động từ (cụm động từ hay một số từ tượng thanh, chỉ trạng thái tồn tại của sự vật như : có, còn, xuất hiện, đứng, nằm, ồn ào, náo nhiệt...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ

1. Văn miêu tả thường có mấy loại ?

.....

.....

.....

2. Yêu cầu đối với người viết văn miêu tả là gì ?

.....

.....

3. Trong các đoạn văn sau, đoạn văn nào là đoạn văn miêu tả, đoạn văn nào là đoạn văn tự sự ? Chỉ ra căn cứ để nhận diện đoạn văn miêu tả.

a. “Mùa xuân, cây gạo đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng.”

(Vũ Tú Nam)

b. “Tôi giật sống người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư ? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh : *Anh trai tôi*.” (Tạ Duy Anh)

c. “Ngay lúc ấy, chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông chồm lên thuyền như quất.” (Nguyễn Minh Châu)

d. “Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ.” (Nguyễn Minh Châu)

– Các đoạn văn miêu tả :

– Các đoạn văn tự sự :

– Căn cứ nhận diện văn miêu tả :

.....

.....

.....

.....

4. Bài tập 1 (NV6, 2, tr. 120)

(Gợi ý : Nhớ lại kiến thức đã học về văn tả cảnh, lấy đó làm căn cứ để tìm hiểu đoạn văn. Cần chú ý các điểm :

- Các chi tiết, hình ảnh đặc sắc được chọn lựa đã thể hiện được các đặc điểm nổi bật, cái riêng của cảnh vật.
- Trình tự miêu tả hợp lí. Có những liên tưởng, so sánh, nhận xét độc đáo.
- Ngôn ngữ phong phú, từ ngữ sống động, hấp dẫn.
- Thể hiện được tình cảm, thái độ của tác giả với cảnh vật được tả.

Đoạn văn của Nguyễn Tuân đã đáp ứng các yêu cầu trên chưa ? Hãy chứng minh)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Lập dàn ý cho bài văn miêu tả cảnh một đầm sen đang mùa hoa nở.

(Gợi ý :

a. Mở bài : giới thiệu đầm sen vào mùa hoa đang nở (buổi sáng mùa hè, ở quê em).

b. Thân bài :

- Tả bao quát : Quang cảnh chung : bầu trời, mây, gió... ; đầm sen (Đầm sen rộng ngập tràn một màu xanh dịu dịu ấm cả trưa hè, được điểm tô màu phớt hồng của hoa, màu vàng của nhụy...) ; hương sen (ngan ngát...).
- Tả cụ thể : Lá sen (to, nhỏ đua vờn với gió, nghiêng mình trước búp sen, hoa sen) ; gương sen (tròn...) ; hoa sen (màu trắng, hồng, trắng pha hồng, hoa hé búp như bàn tay vẫy chào ánh nắng, hoa nở rạng ngời như ông mặt trời nhỏ...) ; thấp thoáng giữa những đài sen là chiếc thuyền nhỏ của người đi hái sen,...

c. Kết bài : Nêu cảm xúc, suy nghĩ về đầm sen.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu kế tiếp :

“Mở sách tìm một ngày đại an trong tháng, ông tôi gọi mẹ và thím tôi đến, phát lệnh chuẩn bị tắm. Hai bà chạy ríu cả chân vì mừng rỡ, người nào việc nấy, riêng tôi, trong khi chờ đợi thì chơi đùa quanh quần ngoài sân với mấy đứa em. Gần trưa ông tôi tự đứng dậy đi men ra ngoài ngòi vào một chõng tre đặt bên mấy thau nước. Mẹ tôi cầm gáo từ từ dội, cũng có thể nói là tắm nước lên khắp bờ vai và lưng ông, tấm lưng đóng vẩy bóng như phủ bằng sáp, cũng không biết nên hiểu đấy là do tuổi già hay do ông lười tắm. Vốn là một người ngại cả trời nóng, ngại cả trời rét, ông ít đi ra khỏi nhà, càng ít động đến nước và lửa. Nước trôi tuồn tuột từng gáo, từng gáo, cái vỏ mướp được kì thật mạnh vậy mà vẫn trượt đi, mấy lần tôi ngã dúi dụi, tấm lưng nhẵn như da rắn không thấm nước làm tôi hoang mang vì thấy mình bất lực, còn ông tôi thì cười khò khè.” (Đỗ Chu)

a. Đoạn văn miêu tả ai ? Nhân vật này có đặc điểm gì ?

.....

.....

.....

b. Gạch dưới những chi tiết làm nổi bật nhân vật được miêu tả.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7 – VĂN MIÊU TẢ SÁNG TẠO (làm tại lớp)

Đề 1 : Em hãy tả cảnh chợ hoa vào một buổi sáng ngày 30 Tết theo tưởng tượng của em.

(Gợi ý : Cần hình dung để tả cảnh chợ hoa buổi sáng ngày 30 Tết. Chợ hoa đó ở đâu ? Được quan sát ở điểm nhìn nào ? Quang cảnh chợ (với những đặc điểm chung như mọi cái chợ hoa (hoa và hương hoa, người bán người mua đều ăn mặc đẹp và mặt tươi cười,...), đặc điểm riêng chỉ có ở chợ đó ; nêu cảm nhận cá nhân,...)

Đề 2 : Từ bài văn *Lao xao* của Duy Khán, em hãy tả lại khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.

(Gợi ý : phải hình dung để tả một khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời dựa vào vốn sống cá nhân và những điều được học qua văn bản *Lao xao*. Đó là khu vườn của ai, ở đâu ? (vườn của ông bà/ vườn trường,...) ; được quan sát ở điểm nhìn nào ? Quang cảnh vườn (với những đặc điểm chung như mọi khu vườn, và một vài đặc điểm nổi bật (các loại chim, hoa, cây cối,...) ; nêu cảm nhận cá nhân.)

Đề 3 : Em đã từng gặp ông Tiên trong những truyện cổ dân gian, hãy miêu tả lại hình ảnh ông Tiên theo trí tưởng tượng của em.

(Gợi ý : có thể tả lại hình ảnh ông Tiên theo nhiều cách (về hoàn cảnh xuất hiện, điểm nhìn, trình tự, ngôn ngữ miêu tả...) nhưng cần bám sát những đặc điểm loại hình riêng của kiểu nhân vật này : ngoại hình, kiểu hành động kì lạ dựa vào phép thuật, việc cứu giúp những người nghèo khổ, người chịu thiệt thòi...)

Đề 4 : Hãy tả một nhân vật có hành động và ngoại hình khác thường mà em đã có dịp quan sát, đã đọc trong sách hoặc nghe kể lại.

(Gợi ý : phải tự hình dung và tưởng tượng đúng về đối tượng miêu tả : Nhân vật đó là ai ? Ngoại hình/ tích cách/ hành động, cuộc sống... có gì khác thường ? Lí do chọn tả nhân vật này. Tình cảm của em đối với nhân vật.)

Bài 29

CẦU LONG BIÊN – CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

1. Hãy ghi lại những chi tiết cụ thể của cầu Long Biên theo các gợi ý sau :
 - Năm khởi công xây cầu và thời gian hoàn thành :
 - Kiến trúc sư thiết kế cầu :
 - Cầu bắc qua sông :
 - Các tên gọi của cầu :
 - Chiều dài, cân nặng của cầu :
 - Chất liệu làm cầu :
2. Hãy đọc lại đoạn văn từ “Năm 1945” đến “dẻo dai, vững chắc” và cho biết cảnh vật và sự việc nào đã được ghi lại ? Phương thức biểu đạt của đoạn văn này.
 - a. Cảnh vật :
.....
.....
.....
.....
.....
.....
 - b. Sự việc :
.....
.....
.....
.....
 - c. Phương thức biểu đạt của đoạn văn :

3. Tại sao có thể gọi cầu Long Biên là một chứng nhân của lịch sử ? Cách gọi “cầu là “chứng nhân” thể hiện điều gì ?

a. Giải thích nghĩa cụm từ : chứng nhân lịch sử :

.....

b. Khi nói cầu Long Biên là chứng nhân, tác giả đã dùng phép tu từ gì ?

.....

c. Phép tu từ trong việc miêu tả cầu có tác dụng :

.....

d. Các sự kiện lịch sử mà cầu đã chứng kiến :.....

—

—

—

—

e. Cách gọi cầu là chứng nhân thể hiện :.....

.....

.....

4. Giá trị lịch sử của cầu Long Biên trong xã hội hiện tại là gì ?

.....

.....

.....

.....

5. Em hãy ghi lại những biện pháp nghệ thuật chính và tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy.

.....

.....

.....

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

1. Hãy chữa lại những câu thiếu chủ ngữ hoặc không rõ chủ ngữ sau đây.
(Gợi ý : chữa bằng một trong hai cách : thêm chủ ngữ hoặc biến trạng ngữ thành vị ngữ)
 - a. Qua tác phẩm này giúp em hiểu rõ về tình yêu quê hương của tác giả.
.....
.....
 - b. Với phần thưởng ấy đã làm em hết sức vui mừng.
.....
 - c. Trong khu vườn trồng nhiều loại rau.
.....
 - d. Qua công việc đó cho thấy sự cố gắng của mọi người.
.....
 - e. Với niềm say mê học tập đã giúp Nam đạt nhiều kết quả tốt.
.....
2. Hãy chữa lại những câu thiếu vị ngữ sau.
(Gợi ý : chữa bằng một trong các cách : thêm vị ngữ, biến cụm từ đã cho thành cụm chủ – vị hoặc biến cụm từ đã cho thành một bộ phận của vị ngữ)
 - a. Chú chó đốm, một người bạn yêu quý của tôi.
.....
 - b. Hình ảnh Lượm đã hi sinh trên đồng lúa.
.....
 - c. Những bạn nghỉ học vào chiều hôm qua.
.....
 - d. Những ai tích cực phát biểu trong giờ học.
.....
 - e. Bạn Mai, người bạn thân nhất của em.
.....

3. Trong số những câu dưới đây, câu nào viết sai ? Vì sao ?
- Qua bài văn cho thấy vẻ đẹp cường tráng của Đế Mèn.
 - Tôi đi học.
 - Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống ở vùng Cà Mau.
 - Từ đó làm em gắn bó hơn với bạn bè.
 - Năm tôi học lớp sáu, anh trai tôi đã học lớp 10.
 - Cây tre, hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam.
 - Hình ảnh cây mai vàng vào dịp tết đến.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Điền những chủ ngữ thích hợp vào chỗ trống :
- tung tăng đến trường.
 - tỏa hương thơm ngát.
 - đạt điểm cao môn Toán.
 - chảy róc rách.
 - xanh biếc, không một gợn mây.

5. Điền những vị ngữ thích hợp vào chỗ trống :
- Mỗi lần có dịp về quê, em
 - Vào mùa xuân, cây cối
 - Trong lớp em, bạn Lan
 - Sáng sớm, cả nhà em
 - Trong sân trường, cây phượng

VIẾT ĐƠN

1. Trong những trường hợp sau, trường hợp nào cần phải viết đơn ?
 - a. Nghỉ hè, em muốn xin ba mẹ cho về thăm quê.
 - b. Lớp trưởng muốn bàn với lớp về việc tổ chức tham quan một khu di tích lịch sử.
 - c. Lớp em muốn nhà trường tổ chức cho lớp được học thêm một bộ môn nghệ thuật.
 - d. Gia đình em chuyển nhà và ba mẹ em muốn xin cho em chuyển về một ngôi trường gần nhà.
 - e. Em muốn trình báo với công an về việc nhà em bị mất trộm.
2. Trong những tình huống viết đơn sau, em hãy cho biết “Tên đơn” và “Đơn gửi ai ?”
 - a. Em làm mất thẻ học sinh và xin cấp lại thẻ.
+ Tên đơn : Đơn
+ Nơi gửi : Kính gửi
 - b. Lớp em xin nhà trường cấp thêm một số đồ dùng học tập.
+ Tên đơn : Đơn
+ Nơi gửi : Kính gửi
 - c. Em muốn xin nhà trường cấp học bổng học tập.
+ Tên đơn : Đơn
+ Nơi gửi : Kính gửi
 - d. Gia đình em muốn sửa chữa lại nhà.
+ Tên đơn : Đơn
+ Nơi gửi : Kính gửi
 - e. Phiếu báo danh của em có một số chi tiết không chính xác.
+ Tên đơn : Đơn
+ Nơi gửi : Kính gửi
3. Em hãy chọn một tình huống cần viết đơn và ghi lại theo mẫu.
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hãy viết một lá đơn cho tình huống sau :
Em gửi xe và làm mất thẻ xe nên không thể lấy xe.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 30

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

1. Em hãy đọc đoạn đầu bức thư từ “Đối với đồng bào tôi” đến “tiếng nói của cha ông chúng tôi” và thực hiện các yêu cầu sau :

- a. Chỉ ra những sự vật, hiện tượng của thiên nhiên được người thủ lĩnh da đỏ nói đến.

.....

.....

.....

.....

- b. Nhận xét về những sự vật, hiện tượng ấy.....

.....

.....

.....

.....

- c. Cách nói của người thủ lĩnh da đỏ có gì đặc biệt ?

.....

.....

.....

.....

- d. Cách nói ấy thể hiện điều gì ?

.....

.....

.....

2. Em hãy đọc đoạn giữa bức thư từ “Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống” đến “Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.” và cho biết :

- a. Sự khác biệt, sự đối lập trong cách sống, trong thái độ đối với “Đất” và “thiên nhiên” giữa người da đỏ và người da trắng.

	Người da đỏ	Người da trắng
Đối với đất		
Đối với thiên nhiên		
Đối với không khí		
Nhận xét chung		

b. Những biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng nhằm nêu bật sự khác biệt, sự đối lập trong cách sống, trong thái độ đối với “đất” và “thiên nhiên” giữa người da đỏ và người da trắng ?

.....

.....

.....

3. Đọc đoạn cuối bức thư và cho biết :

– Nội dung chính của đoạn :

.....

.....

– Sự khác biệt trong cách viết của đoạn này với hai đoạn trên :

.....

.....

.....

.....

4. Qua bức thư của thủ lĩnh da đỏ, em có suy nghĩ gì về việc bảo vệ môi trường của quê hương em ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ (tiếp theo)

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau :
 - a. “Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.” (Tô Hoài)
.....
 - b. Cứ mỗi lần ra thăm khu vườn, ngắm nhìn những bông hoa, tôi lại cảm thấy thích thú.
.....
 - c. “Như dòng suối đổ vào sông, dòng sông đổ ra biển, lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” (I-li-a Ê-ren-bua)
.....
 - d. Đứng trên đồi núi, ngắm nhìn vẻ đẹp của làng quê, tôi càng thêm yêu nơi chôn nhau cắt rốn của mình.
.....
2. Hãy chỉ ra chỗ sai và nêu cách chữa các câu sau đây :
 - a. Xa xa, một ngôi chùa.
.....
.....
 - b. Bằng sự chăm chỉ của mình, chỉ trong vòng hai tháng.
.....
.....
 - c. Bằng giọng giảng bài ấm áp, truyền cảm của cô giáo.
.....
.....
3. Chỉ ra cách chữa các câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu sau đây.
 - a. Cây cầu đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông và bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.
.....
.....
.....

b. Vừa đi học về, mẹ đã bảo Thuý sang đón em. Thuý cất vội cặp sách rồi đi ngay.

.....

.....

.....

c. Khi em vừa đến cổng trường thì Tuấn gọi em và được bạn ấy cho một cây bút mới.

.....

.....

4. Hãy viết thêm chủ ngữ và vị ngữ phù hợp vào những chỗ trống dưới đây để tạo thành những câu hoàn chỉnh.

a. Mỗi khi đạt điểm cao,

b. Vào mỗi buổi chiều,

c. Giữa mặt hồ rộng lớn,

d. Sau ba tháng nghỉ hè,

e. Ngoài sân,

f. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử,

.....

g. Vừa đi học về,

h. Khi em tới nhà bạn Tuấn,

LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN VÀ SỬA LỖI

1. Hãy chỉ ra những chỗ sai của lá đơn sau.

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập tự do hạnh phúc

ĐƠN XIN LÀM MẤT THẺ XE

Kính gửi : Ban quản lí bãi xe công viên chợ hoa 23 tháng 9

Tôi tên : Nguyễn Văn B

Hiện tôi cư ngụ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay tôi làm đơn này kính xin ban quản lí bãi xe cho tôi nhận lại chiếc xe đã gửi tại bãi.

Lí do : tôi đã đánh mất thẻ xe và không thể lấy xe.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Người viết đơn

(Kí tên)

Nguyễn Văn B

a. Các lỗi sai :

– Về quốc hiệu, tiêu ngữ :

– Về tên đơn :

– Về nơi ở :

b. Thiếu các chi tiết :

–

–

–

–

2. Hãy chỉ ra các lỗi trong lá đơn sau và sửa lại cho đúng :

ĐƠN XIN CẤP LẠI THẺ THƯ VIỆN

Kính gửi : Cô Giám thị phụ trách lớp 6A

Em tên : Nguyễn Văn A. Hiện em đang học lớp 6A. Nay em làm đơn này kính xin Cô giám thị cấp lại thẻ thư viện cho em.

Trong khi chờ đợi sự xem xét của Ban Giám hiệu, xin nhận nơi em lòng biết ơn chân thành.

Em xin hứa sẽ không làm mất thẻ thư viện nữa.

Người viết đơn

(Kí tên)

Nguyễn Văn A

– Viết thiếu các chi tiết :

- +
- +
- +

– Viết sai về những nội dung :

- +
- +

– Trình bày không đúng quy cách :

- +
- +

Bài 31

ĐỘNG PHONG NHA

1. Em hãy giới thiệu vị trí địa lí và đường dẫn vào động Phong Nha.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đọc đoạn văn từ “Phong Nha gồm hai bộ phận” đến “nơi cảnh chùa, đất Bụt” và thực hiện những yêu cầu sau :

a. Liệt kê các dạng hình khối thạch nhũ của động :

.....

.....

.....

.....

b. Nhận xét về hệ thống hình khối thạch nhũ :

.....

.....

.....

c. Liệt kê các màu sắc :

.....

.....

.....

d. Nhận xét về đẹp của màu sắc :

.....

.....

.....

.....

.....

e. Liệt kê các âm thanh, cách miêu tả âm thanh :

.....

.....

.....

.....

.....

f. Nhận xét về đặc sắc của âm thanh :

.....

.....

.....

.....

.....

g. Liệt kê các từ ngữ nói về vẻ đẹp của động và nhận xét về cách sử dụng các từ ngữ ấy :

.....

.....

.....

3. Từ kết quả của Bài tập 2, em hãy nhận xét về vẻ đẹp của động Phong Nha.

.....

.....

.....

4. Ở đoạn cuối văn bản, tác giả đã cho thấy giá trị, sức thu hút của động Phong Nha như thế nào ?

.....

.....

.....

5. Sau khi học văn bản *Động Phong Nha*, em có suy nghĩ gì về cảnh đẹp của quê hương đất nước ? Ý thức trách nhiệm của chúng ta đối với những cảnh đẹp ấy ?

.....

.....

.....

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU **(DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN)**

1. Đặt các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ thích hợp có dấu ngoặc đơn :
- a. “Con gái tôi vẽ đây ư () Chẳng lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lợi ấy ()”

(Theo Tạ Duy Anh)

b. “Chối hả () Chối này () Chối này ()”

(Theo Tô Hoài)

c. “Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lữ nên thành tre ơi ()
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu ()”

(Theo Nguyễn Duy)

d. “Bác ơi () Bác chưa ngủ ()
Bác có lạnh lắm không ()”

(Theo Minh Huệ)

2. Đặt dấu chấm vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau đây :

Rồi một ngày mưa rào mưa dăng dăng bốn phía, có quầng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,... có quầng thâm sì, nặng trĩu những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thấm lại, khoẻ nhẹ bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong thửa ruộng về bị ướt.

Có buổi nắng sớm mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy đảo xa, chỉ một màu trắng đục không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời

Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm những đảo xa lam nhạt pha màu trắng sữa không có gió mà sóng vẫn vỗ đều đều, rì rầm nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.

(Theo Vũ Tú Nam)

3. Chữa lại dấu câu dùng sai trong những câu sau :

a. Tôi không biết tôi có làm được việc đó không ?

.....

b. Trời mưa to quá.

.....

c. Hôm qua bạn không đi học à !

.....

d. Đi đi. Nhanh lên. Không thì muộn mất.

.....

e. Mẹ muốn biết sáng nay con đi đâu ?

Bài 32

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

1. Khoanh tròn chữ cái ở đầu câu ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây.

a. Thế nào là truyền thuyết ?

a.1. Là loại truyện gồm có loại truyện hư cấu, có loại truyện gần với kí, với sử. Nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn. Nhân vật thường liên quan đến lịch sử, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.

a.2. Là loại truyện dân gian nhằm kể về những hiện tượng đáng cười, đáng phê phán và lên án trong cuộc sống, nhằm tạo ra tiếng cười hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

a.3. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời kì quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyện thể hiện thái độ của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử được kể.

a.4. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc ; thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác.

b. Thế nào là truyện cổ tích ?

b.1. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc ; thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyện thể hiện thái độ của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật được kể, để khuyên nhủ, răn dạy.

b.2. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc. Truyện buộc phải có yếu tố hoang đường. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

- b.3. Là loại truyện dân gian nhằm kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc với những hiện tượng đáng cười, đáng phê phán và lên án trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười hoặc phê phán thói hư tật xấu.
- b.4. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc ; thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân. Nhân vật thường liên quan đến lịch sử.
- c. Thế nào là truyện ngụ ngôn ?
- c.1. Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.
- c.2. Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để chế giễu, phê phán thói hư tật xấu.
- c.3. Truyện dân gian kể về cuộc sống con người. Truyện thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác.
- c.4. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời kì quá khứ. Truyện thể hiện thái độ của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử được kể.
- d. Thế nào là truyện cười ?
- d.1. Là loại truyện mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để khuyên nhủ răn dạy, phê phán thói hư tật xấu.
- d.2. Là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán thói hư tật xấu trong xã hội.
- d.3. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc nhằm tạo ra tiếng cười mua vui, phê phán thói hư tật xấu trong xã hội.
- d.4. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật đáng cười nhằm hiện thái độ của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật đó.
- e. Thế nào là truyện trung đại ?
- e.1. Là loại truyện ra đời vào khoảng thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX. Thể loại truyện văn xuôi chữ Hán, có loại truyện hư cấu, có loại truyện gần với kí, với sử.

e.2. Là loại truyện ra đời vào khoảng thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX. Thể loại truyện văn xuôi chữ Hán, thể hiện thái độ của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử được kể.

e.3. Là loại truyện có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn. Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.

e.4. Hai ý e.1 và e.3 đúng.

g. Thế nào là văn bản nhật dụng ?

g.1. Là loại văn bản phản ánh cuộc sống thường ngày có nội dung *gần gũi, bức thiết* đối với cuộc sống của con người và cộng đồng. Có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản.

g.2. Là loại văn bản có nội dung về con người trong cuộc sống thường ngày. Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.

g.3. Là loại văn bản có nội dung *gần gũi, bức thiết* đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như *thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy,...* Có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản.

g.4. Là loại văn bản có nội dung *phản ánh hiện thực đời sống hằng ngày của con người và cộng đồng* trong xã hội trước đây và hiện nay. Có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản.

2. Mỗi tác phẩm sau thuộc loại truyện nào ?

a. *Thánh Gióng* :

b. *Thạch Sanh* :

c. *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* :

d. *Thầy bói xem voi* :

e. *Ông lão đánh cá và con cá vàng* :

3. Phương thức biểu đạt của truyện dân gian, truyện trung đại và truyện hiện đại có điểm gì giống nhau ?

a. Đều là văn bản tự sự.

b. Đều là văn bản miêu tả.

c. Đều là văn bản biểu cảm.

d. Đều là văn bản nghị luận.

4. Dòng nào dưới đây bao gồm các văn bản thể hiện lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam ?
- Buổi học cuối cùng, Sông nước Cà Mau, Động Phong Nha.*
 - Bài học đường đời đầu tiên, Lòng yêu nước, Cây tre Việt Nam.*
 - Lòng yêu nước, Bức tranh của em gái tôi, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.*
 - Cô Tô, Lượm, Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử, Động Phong Nha.*
5. Dòng nào dưới đây bao gồm các văn bản thể hiện lòng nhân ái của dân tộc Việt Nam ?
- Bài học đường đời đầu tiên, Bức tranh của em gái tôi, Đêm nay Bác không ngủ, Lượm.*
 - Cây tre Việt Nam, Động Phong Nha, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, Lượm.*
 - Đêm nay Bác không ngủ, Cây tre Việt Nam, Cô Tô, Lao xao, Lượm.*
 - Buổi học cuối cùng, Sông nước Cà Mau, Lượm, Vượt thác, Lao xao.*

TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. Hãy nối cột văn bản đã học (A) với cột phương thức biểu đạt chính (B) sao cho tương ứng.

(A)
① <i>Sọ Dừa, Lợn cưới, áo mới, Thạch Sanh, Bức thư của em gái tôi, Con hổ có nghĩa</i>
② <i>Đêm nay Bác không ngủ, Lượm, Cây tre Việt Nam, Mưa</i>
③ <i>Lòng yêu nước</i>
④ <i>Cô Tô, Lao xao, Sông nước Cà Mau</i>

(B)
a. Biểu cảm
b. Miêu tả
c. Nghị luận
d. Tự sự

2. Trong vai anh bộ đội, em hãy kể lại câu chuyện cảm động trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của nhà thơ Minh Huệ bằng một bài văn.
(Gợi ý : – Bài làm thuộc thể loại tự sự ; nhân vật : Bác Hồ và anh đội viên ; kể ở ngôi thứ nhất (có thể xưng tôi, mình,...).
– Nên kể theo diễn biến các lần anh đội viên thức giấc (theo như bài thơ)).
-

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting or typing. There are no margins, text, or other markings on the page.

3. Dựa vào bài thơ *Mưa* của nhà thơ Trần Đăng Khoa, em hãy tả lại một trận mưa rào.

(Gợi ý :

- Bài em làm thuộc thể loại tả cảnh thiên nhiên, nội dung tả trận mưa rào.
- Em cần giới hạn phạm vi : trên nền bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa để lựa chọn khung cảnh (làng quê), hình ảnh (đám mây, bố đi cày về,...).
- Em tận dụng các cách dùng hình ảnh so sánh, nhân hoá,... của nhà thơ nhưng cần tránh diễn thành văn xuôi bài thơ.)

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Một bạn viết đơn xin gia nhập câu lạc bộ gồm các mục *địa điểm ngày tháng năm làm đơn, tên đơn, họ tên người viết đơn, nơi gửi đơn, lời cam đoan và cảm ơn, kí tên*. Theo em, đơn của bạn còn thiếu những mục nào ?
- Họ tên người nhận đơn, địa chỉ người nhận đơn, đóng dấu.
 - Quốc hiệu, tiêu ngữ, nội dung chính của đơn, địa chỉ, đóng dấu.
 - Quốc hiệu, địa chỉ của người viết đơn và người nhận đơn, nội dung.
 - Quốc hiệu, tiêu ngữ ; nơi ở, trình bày sự việc, lí do và nguyện vọng.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

- Dấu phẩy có công dụng như thế nào ?
 - Dùng để ngăn cách thành phần phụ với chủ ngữ và vị ngữ, giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.
 - Dùng để ngăn cách thành phần chủ ngữ và vị ngữ, ngăn cách giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu, giữa từ ngữ với chú thích ngữ.
 - Dùng để ngăn cách giữa từ ngữ với bộ phận chú thích của nó, giữa các vế của câu ghép.
 - Cả a và c đúng.

2. Câu nào dưới đây đã dùng dấu phẩy **không** đúng ?
 - a. Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ.
 - b. Gió, từ trong khe, núi, ùa ra, mang theo hơi lạnh đến ghê người.
 - c. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.
 - d. Từ xưa đến nay, Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước, sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.
3. Dấu phẩy trong câu “Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.” (Thép Mới) đã tạo nhịp điệu như thế nào cho câu văn ? Nhịp điệu ấy góp phần giúp nhà văn diễn tả điều gì ?
 - a. Tạo nhịp điệu cân đối, hài hoà ; gợi tả nhịp quay đều đặn, chậm rãi mà bền bỉ, nhẫn nại của chiếc cối xay tre.
 - b. Tạo nhịp điệu đúng cho câu miêu tả hoạt động của chiếc cối xay tre.
 - c. Tạo nhịp điệu bất ngờ, gợi liên tưởng âm thanh rì rì của cái cối xay.
 - d. Tạo nhịp điệu đúng để diễn tả âm thanh rì rì của cái cối xay.
4. Em hãy điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau.
 - a. Mùa xuân, đua nhau nở rộ.
 - b. Mùa này, cả cánh đồng đều xanh thắm lúa,,,
 - c. Ở vùng núi cao, bao giờ
 - d. Những con thuyền, đang xuôi theo dòng sông.

Bài 33

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần Văn và Tập làm văn)

1. Lập dàn ý cho bài giới thiệu :
 - a. Một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử của quê em (hoặc nơi em đang sống).

(Gợi ý : cần nêu được :

 - Tên di tích hoặc danh lam thắng cảnh.
 - Vị trí của di tích hoặc danh lam thắng cảnh.

- Lịch sử của di tích hay danh lam thắng cảnh.
- Vẻ đẹp, ý nghĩa, giá trị của di tích hoặc danh lam thắng cảnh.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Môi trường nơi em sống (hoặc quê hương em).

(Gợi ý : cần nêu được :

- Môi trường nơi em ở sạch, đẹp hay chưa sạch đẹp, bị ô nhiễm ?
- Những yếu tố nào của môi trường nơi em ở đang bị vi phạm ? (nguồn nước, cây xanh, xử lí chất thải,...).
- Địa phương và trường em học đã làm những gì để bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp ?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Trình bày trước lớp một trong hai bài giới thiệu mà em vừa chuẩn bị.

(Khi trình bày, em cần nói rõ ràng, ngừng nghỉ nhấn lướt, lên giọng, xuống giọng đúng chỗ, nên kết hợp thêm ánh mắt, vẻ mặt, nói đủ nghe. Cần có vài lời mở đầu trước khi kể và cảm ơn người nghe khi em trình bày xong.)

3. Em hãy viết một bài văn ngắn giới thiệu về một hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương hoặc trường em.

(Gợi ý : cần nêu được :

- Đó là hoạt động gì, do ai tổ chức ?

- Hoạt động đó diễn ra như thế nào ? Em có tham gia không ?
- Cảm nghĩ của em về hoạt động đó.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 1

I. Đọc truyện sau và khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng cho từng câu hỏi ở cuối bài.

SỰ TÍCH CÁC LOÀI HOA

Ngày xưa, chỉ Thiên Đường mới có hoa, còn trên mặt đất chưa có loài hoa nào. Mãi về sau, nhận ra thiếu sót ấy, Trời mới sai Thần Sắc Đẹp vẽ hoa cho các loài cây. Vẽ xong, Thần muốn tặng hương cho chúng nhưng lại

không mang đủ hương cho tất cả. Thần quyết định sẽ chỉ tặng hương thơm cho những loài hoa có tấm lòng thơm thảo.

Thần hỏi hoa hồng :

- Nếu có hương thơm, người sẽ làm gì ?
- Con sẽ nhờ chị gió mang tặng cho muôn loài.

Thần liền tặng hoa hồng làn hương quý báu.

Gặp hàng râm bụt đỏ rực như lửa, Thần hỏi :

- Nếu có hương thơm, người sẽ làm gì ?
- Râm bụt loe cái miệng ra và trả lời :
 - Con sẽ khiến ai cũng phải nể mình.

Nghe vậy, Thần bỏ đi. Đi mãi, tặng gần hết bình hương, gặp hoa ngọc lan, thần lại hỏi :

- Nếu có hương thơm, người sẽ làm gì ?

Ngọc lan ngập ngừng thưa :

- Con cảm ơn Thần. Nhưng xin Thần ban tặng cho hoa cỏ ạ.

Thần ngạc nhiên hỏi :

- Hoa nào cũng muốn có hương thơm. Lẽ nào người không thích ?
- Con thích lắm ạ. Nhưng con đã được ban cho làn da trắng, lại ở trên cao. Còn bạn hoa cỏ thì mảnh dẻ, lại ở sát đất. Nếu có hương thơm, bạn ấy sẽ không bị người ta vô tình giẫm lên.

Cảm động trước tấm lòng thơm thảo của ngọc lan, Thần Sắc Đẹp ban tặng loài hoa ấy hương thơm ngọt ngào hơn mọi loài hoa.

(Theo vanhoc.net)

1. Truyện trên được viết theo phương thức biểu đạt chủ yếu nào ? Thuộc loại truyện gì ?
 - a. Tự sự. Truyện cổ tích.
 - b. Tự sự. Truyện ngụ ngôn.
 - c. Biểu cảm. Truyện thần thoại.
 - d. Miêu tả. Truyện truyền thuyết.
2. Tại sao Thần Sắc Đẹp chỉ tặng hương thơm cho hoa hồng, hoa ngọc lan ?
 - a. Vì hoa hồng và hoa ngọc lan vừa đẹp vừa thơm thảo.
 - b. Vì đây là những loài hoa đẹp, xứng đáng với làn hương thơm.
 - c. Vì thần không mang đủ hương, hoa hồng, hoa ngọc lan đều rất đẹp.

- d. Vì đây là những loài hoa có tấm lòng thơm thảo xứng đáng với làn hương thơm.
3. Qua truyện trên, tác giả dân gian gửi gắm bài học gì ?
- Phải biết yêu thương, chia sẻ ngọt bùi, không ích kỉ.
 - Cần biết nhìn nhận và đánh giá đúng người, đúng việc.
 - Phải biết quan tâm đến những người nghèo khổ hơn mình.
 - Có hương thơm thì phải biết giữ cho mình, và chia cho người khác.
4. Các từ "hoa, huệ, hồng, cúc" trong những câu như "Hoa cúc, hoa huệ, hoa hồng đua nhau nở rộ." có phải là danh từ riêng không ? Tại sao ?
- Là danh từ riêng, vì đó là tên của các loài hoa.
 - Là danh từ riêng, vì đó là tên gọi của từng loài hoa.
 - Không phải là danh từ riêng mà là danh từ chung, vì chúng không được viết hoa.
 - Không phải là danh từ riêng mà là danh từ chung, vì đó là tên gọi chung cho từng loài hoa.
5. Trong truyện trên, tác giả dùng phép so sánh mấy lần ? Hãy nêu hình ảnh so sánh.
- Một lần : râm bụt đỏ rực như lửa.
 - Hai lần : chưa có loài nào, chỉ cho những loài thơm thảo.
 - Ba lần : đỏ rực như lửa, cái miệng loe ra, làn da trắng trẻo.
 - Bốn lần : như lửa, cái miệng loe, làn da trắng trẻo, hơn mọi loài hoa.
6. Câu nào dưới đây **không** sử dụng biện pháp nhân hoá ?
- Râm bụt loe cái miệng ra và trả lời.
 - Còn bạn hoa cỏ thì mảnh dẻ, lại ở sát đất.
 - Ngày xưa trên mặt đất chưa có loài hoa nào.
 - Con sẽ nhờ chị gió mang tặng cho muôn loài.
7. Câu nào dưới đây là câu miêu tả sự vật ?
- Nhưng xin Thần ban tặng cho hoa cỏ ạ.
 - Con sẽ nhờ chị gió mang tặng cho muôn loài.
 - Còn bạn hoa cỏ thì mảnh dẻ, ốm yếu lại ở sát đất.
 - Con đừng ích kỉ, chỉ biết giữ khư khư và giành cho mình như thế.
8. Dòng nào dưới đây chỉ gồm từ Hán Việt ?
- Hiếu thảo, nhân ái, thảo mộc.
 - Ngọc lan, thơm thảo, chia sẻ.

- c. Quý giá, hi vọng, mong muốn.
- d. Bất tận, dạ hương, hương thơm.

9. Trong đơn, những mục nào không thể thiếu ?

- a. Tên đơn, ai gửi đơn, lí do gửi, kí tên.
- b. Đơn gửi ai, ai gửi đơn, gửi để làm gì.
- c. Quốc hiệu, tiêu ngữ, đơn gửi ai, kí tên.
- d. Ngày tháng năm gửi đơn, nơi gửi, ai gửi.

II. Tập làm văn

Từ truyện *Sự tích về các loài hoa*, em hãy tưởng tượng mình là hoa cỏ đã được chứng kiến câu chuyện cảm động về tấm lòng thơm thảo của hoa ngọc lan và kể lại bằng một bài văn.

(Gợi ý : – Thể loại : kể chuyện.

– Nội dung : kể lại sự tích các loài hoa và hương thơm của các loài hoa.

– Vai kể : hoa cỏ.)

ĐỀ SỐ 2

I. Đọc bài văn và khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng cho từng câu hỏi ở cuối bài.

CHỢ NỔI CÀ MAU – CHÚT TÌNH SÔNG NƯỚC

Nằm giữa lòng thành phố Cà Mau, quãng cuối sông Gành Hào, đứng trên cầu nhìn về phía mặt trời mọc, người ta có thể nhìn thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt⁽¹⁾ gác chông lên loang loáng dưới mặt trời. Không biết chợ đã hình thành từ khi nào, phải chăng từ những chiếc ghe thương hồ xuôi ngược một hôm neo đậu gần nhau để mỗi xin chút lửa, trao đổi cho nhau nắm gạo lứt, tấm vải bố tời, trái bầu, trái bí... mà nên một xóm chợ trên sông đông đúc, sung túc nhất đồng bằng như bây giờ ?

Chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người, đẹp dễ, tinh khiết, trong ngần. Sương đọng trên chiếc mùng giăng trên mũi ghe của đám trẻ con ngủ vùi, ngủ nướng⁽²⁾ rồi băng lỏng tan cho một ngày buồn

⁽¹⁾ **Chân vịt** : Bộ phận máy có cánh quạt quay dưới nước để tạo nên sức đẩy.

⁽²⁾ **Khăm lừ** : (thuyền) ở tình trạng chờ đây, nặng hết mức, không thể hơn được nữa.

bán bận rộn bắt đầu. Hàng trăm chiếc ghe to, nhỏ khảm lừ⁽³⁾, đậu sát vào nhau thành một dãy dài, người bán, người mua trùng trùng trên sóng nước. Buổi sớm mai, đó là buổi của những chiếc xuồng con với các chị, các dì bán hàng ăn sáng, mùi thơm của các loại bánh lan toả xa hơn cả tiếng rao hàng, là buổi của những chiếc ghe hàng bông đổ ra từ trăm ngàn con sông, rạch để bỏ hàng rồi trở về theo trăm ngàn lối sông rạch cho chuyến buôn xa. Buổi của những chủ ghe tất bật bày biện sao cho mớ hàng hoá của mình mới mẻ, tươi tắn và tinh tươm nhất.

Chợ nổi Cà Mau chỉ tập trung bán sỉ hàng hoá nông sản tươi, những thứ rau, trái miệt vườn. Cứ nhìn cái nhánh cây thon, dài buộc ở đầu ghe kia, trên cây treo gì thì ghe bán thứ ấy, lúc la lúc lủi trông lạ vậy, nhưng đó là tiếng chào mời không lời. Chẳng cần rao bán, chèo kéo nhưng khách cầm lòng nào mà bỏ đi. Cầm lòng được sao với cái màu đỏ thanh thao của trái đu đủ chín cây, đỏ au au của chùm chôm chôm, vàng ươm của khóm, xoài, xanh riết của cóc, ổi, tím của cà... Giữa chợ nổi Cà Mau, cảm giác như gặp được những khu vườn của miệt sông Tiền, sông Hậu, như nhìn thấy những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc triền sông Trẹm quê mình.

(Nguyễn Ngọc Tư)

1. Bài văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chủ yếu nào ?
 - a. Tự sự.
 - b. Miêu tả.
 - c. Biểu cảm.
 - d. Nghị luận.
2. Cảnh chợ nổi Cà Mau qua đoạn trích trên là một bức tranh như thế nào ?
 - a. Bình dị và ngăn nắp, trật tự.
 - b. Giàu có, tấp nập và rất hoang sơ.
 - c. Nhộn nhịp, đông vui và rất hiện đại.
 - d. Thanh bình, tươi đẹp, sung túc và rất đáng yêu.
3. Trong đoạn trích trên, tác giả dùng phép so sánh mấy lần ? Hãy nêu hình ảnh được dùng để so sánh.
 - a. Một lần : thời thơ ấu của một đời người.
 - b. Hai lần : thời thơ ấu, những khu vườn, rẫy khóm, rẫy mía.
 - c. Ba lần : những cái chân vịt, thời thơ ấu, khu vườn, rẫy khóm, rẫy mía.
 - d. Bốn lần : xa hơn cả tiếng rao, tinh tươm nhất, thời thơ ấu, khu vườn, rẫy.

⁽³⁾ Ngủ vùi, ngủ nướng : ngủ cố thêm khi trời đã sáng.

4. Dãy từ nào dưới đây gồm các từ đồng nghĩa với từ “trong ngần” (trong câu “Chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người, đẹp đẽ, tinh khiết, trong ngần.”) ?
 - a. Trong vắt, trong trẻo, trong xanh.
 - b. Trong lành, tinh khiết, trong đục.
 - c. Trong trẻo, trong trắng, trong sáng.
 - d. Trong ngoài, tinh khiết, trong trắng.
5. Câu nào dưới đây có sử dụng biện pháp nhân hoá ?
 - a. Chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người.
 - b. Ghe to, nhỏ khảm lừ, nằm san sát nhau thành một dãy dài.
 - c. Chợ nổi Cà Mau chỉ tập trung bán sỉ hàng hoá nông sản tươi.
 - d. Mùi thơm của các loại bánh lan toả xa hơn cả tiếng rao hàng.
6. Dòng nào dưới đây chỉ gồm từ Hán Việt ?
 - a. Bất tận, hàng hoá, lan toả.
 - b. Thương hồ, bố tời, khảm lừ.
 - c. Sung túc, sông sản, sông rạch.
 - d. Thương hồ, bình minh, nông sản.
7. Từ nào dưới đây có thể điền vào chỗ trống để câu văn “Những văn nghệ sĩ đến, làm nên tác phẩm rồi đi mà vẫn hén lòng quay lại bởi niềm trước những vẻ đẹp lạ lùng, đặc trưng của miền sông nước mãi mãi không bao giờ cạn.” trở thành câu đúng nghĩa ?

a. Si mê.	b. Vui tươi.
c. Hứng khởi.	d. Phấn khởi.
8. Thế nào là biện pháp nhân hoá ?
 - a. Lấy tên sự vật, hiện tượng sinh động để tả đồ vật, con vật, cây cối.
 - b. Dùng từ ngữ hoặc cách diễn đạt phóng đại để miêu tả đồ vật, con vật.
 - c. Lấy từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm, tính chất, trạng thái để nói về vật.
 - d. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật bằng từ ngữ vốn được dùng để tả hoặc nói về con người.
9. Các thao tác chính của văn miêu tả là gì ?
 - a. Quan sát, so sánh, giải thích.
 - b. Quan sát, liên tưởng, so sánh.
 - c. So sánh, giải thích, khái quát.
 - d. Quan sát, phân tích, khái quát.

II. Tập làm văn

Em đã có dịp cùng bà, mẹ hay người thân đi chợ, hoặc dựa vào bài văn trên, em hãy hình dung và tả lại cảnh chợ mà em thích.

(Gợi ý : Đó là chợ nổi (hoặc chợ vùng cao, chợ miền quê, siêu thị) ở đâu ? Thời điểm em tả chợ ? Quang cảnh chợ đó thế nào, có đặc điểm gì (quầy hàng, mặt hàng, người bán, người mua,...) khiến em yêu thích ?)

Bài 34

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

- Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã học những từ loại nào ?
 - Danh từ, động từ, vị từ, quan hệ từ, chỉ từ, phó từ.
 - Danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, thán từ, phó từ.
 - Danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ.
 - Danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, giới từ, phó từ.
- Hãy chọn khái niệm từ loại mà em đã học điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các định nghĩa dưới đây.
 - là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.
 - là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.
 - là những từ chỉ số lượng và số thứ tự của sự vật.
 - là những từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, khái niệm,...
 - là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái.
 - là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.
 - là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian.
- Hãy ghi tên biện pháp tu từ vào chỗ trống để hoàn chỉnh các định nghĩa dưới đây.
 - là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
 - là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- c. là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.
- d. là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
4. Hãy tìm khái niệm thích hợp và điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các định nghĩa dưới đây.
- a. là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn.
- b. là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái được miêu tả ở vị ngữ.
- c. là loại câu do một cụm C – V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.
- d. Trong câu, vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành. Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các từ *không, chưa*.
- e. Trong câu, vị ngữ thường do từ là kết hợp với danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành. Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ *không phải, chưa phải*.
5. Hãy nêu chức năng và cách dùng của từng loại dấu câu dưới đây :
- a. Dấu chấm :
-
-
- b. Dấu chấm hỏi :
-
-
- c. Dấu chấm than :
-
-

d. Dấu phẩy :

.....

.....

ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 1

I. Đọc bài văn sau và khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng cho từng câu hỏi ở cuối bài.

TRÊN CAO, CHIM SẼ ĐÃ TRÔNG THẤY

Không hiểu vì sao, tôi thức dậy rất sớm. Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây xanh thẫm quanh vườn, trùm lấp cả một khoảng sân. Tôi bước đến đâu, sương mù tan loãng ra đến đấy. Và tôi chợt nhận ra, trên những ngọn cau cao, chim sẻ thi nhau cất tiếng hót của hội hè. Tôi lắng tai nghe, và nghĩ rằng chim sẻ đang hát. Dàn đồng ca chim sẻ khi bổng khi trầm, khi nhanh khi chậm xôn xao vòm không gian trên trời cao. Chúng đang hát về cái gì vậy ? Tôi không thể biết được. Nhưng rõ ràng là chúng đã trông thấy một cái gì đó, cái mà tôi không thể cùng trông thấy được. Chim sẻ ở tít trên những ngọn cau cao, còn tôi thì thấp lè tè trên mặt đất, như một cái nấm.

Tôi ngược nhìn về phương đông, sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ. Ai đội mũ đỏ nấp sau vòm cây, và đang từ từ đứng lên thế kia ? Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời buổi sớm. Cuối cùng chiếc mũ đỏ bay lên khỏi vòm cây. Không có ai nấp sau vòm cây cả và khối đỏ ấy cũng không phải là chiếc mũ. Đấy là vầng mặt trời. Vầng mặt trời giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng. Chim sẻ càng cất cao giọng, chiếc mâm đồng đỏ càng nhích dần lên.

Vầng mặt trời đã lên từ bao giờ ? Chắc chắc là nó đã nhô lên khỏi mặt biển trước khi nhô lên khỏi vòm cây cuối vườn nhà tôi. Và, hẳn là đàn chim sẻ từ trên những ngọn cau cao đã trông thấy mặt trời mọc lên phía chân trời khi tôi còn đang ngủ. Bởi chim sẻ đã ca hát trước khi tôi thức dậy. Tôi định ninh như vậy, chim sẻ đã trông thấy mặt trời lên trước tôi. Và trái tim thơ trẻ của tôi bỗng vang lên một bài ca không lời. Bài ca của

tôi hoà với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao. Bài ca về mặt trời.
Về “cái mâm đồng đỏ”.

(Nguyễn Trọng Tạo)

1. Đoạn thứ nhất có mấy từ láy ? Đó là những từ nào ?
 - a. Bốn từ : la đà, hội hè, rõ ràng, lè tè.
 - b. Bốn từ : la đà, xôn xao, rõ ràng, lè tè.
 - c. Năm từ : la đà, xôn xao, rõ ràng, hội hè, lè tè.
 - d. Sáu từ : la đà, xôn xao, rõ ràng, hội hè, cau cao, lè tè.
2. Đoạn thứ nhất có 11 yếu tố Hán Việt, đó là những yếu tố nào ?
 - a. Hội, hè, đồng, ca, trông, không, gian, trầm, bổng, trời, cao.
 - b. Hội, thăm, đồng, ca, không, gian, trời, đất, trầm, bổng, trông.
 - c. Hiểu, mù, màu, hội, đồng, hát, trầm, không, gian, cao, khoảng.
 - d. Hiểu, sương, hội, nhận, đồng, ca, trầm, không (không gian), gian, cao, thể.
3. Trong câu “Tôi lắng tai nghe, và nghĩ rằng chim sẻ đang hát.” có mấy động từ ? Đó là những từ nào ?
 - a. Ba từ : nghe, nghĩ, hát.
 - b. Bốn từ : lắng, nghe, nghĩ, hát.
 - c. Bốn từ : nghe, nghĩ, rằng, hát.
 - d. Năm từ : nghe, nghĩ, rằng, đang, hát.
4. Những từ nào trong câu “Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây xanh thăm quanh vườn, trùm lấp cả một khoảng sân.” là tính từ ?
 - a. Mỏng, la đà, xanh thăm.
 - b. Mỏng, màu sữa, xanh thăm.
 - c. Mỏng, màu sữa, xanh thăm, trùm lấp.
 - d. Mỏng, màu sữa, la đà, xanh thăm, trùm lấp.
5. Câu nào dưới đây **không** dùng biện pháp so sánh ?
 - a. Tôi bước đến đâu, sương mù tan loãng ra đến đấy.
 - b. Còn tôi thì thấp lè tè trên mặt đất, như một cái nấm.
 - c. Vàng mặt trời giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ.
 - d. Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà.
6. Câu nào dưới đây có sử dụng biện pháp nhân hoá ?
 - a. Vàng mặt trời đã lên từ bao giờ ?

- b. Chim sẻ thi nhau cất tiếng hót của hội hè.
 c. Chim sẻ đã trông thấy mặt trời lên trước tôi.
 d. Tôi bước đến đâu, sương mù tan loãng ra đến đấy.
7. Câu nào dưới đây có sử dụng biện pháp hoán dụ ? Gạch chân dưới những từ ngữ được dùng để thực hiện hoán dụ.
 a. Và trái tim thơ trẻ của tôi bỗng vang lên một bài ca không lời.
 b. Bài ca của tôi hoà với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao.
 c. Chim sẻ ở tít trên ngọn cau cao, còn tôi thì thấp lè tè trên mặt đất.
 d. Chim sẻ càng cất cao giọng, chiếc mâm đồng đỏ càng nhích dần lên.
8. Trong các câu “Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời buổi sớm. Cuối cùng chiếc mũ đỏ bay lên khỏi vòm cây.”, tác giả đã dùng những phép tu từ về từ nào để miêu tả hình ảnh mặt trời thêm gợi tả, gợi cảm ?
 a. Ẩn dụ và nhân hoá (chiếc mũ đỏ nhô dần lên, bay lên).
 b. Chỉ dùng nhân hoá (chiếc mũ đỏ nhô dần lên, bay lên).
 c. Ẩn dụ và hoán dụ (chiếc mũ đỏ nhô, bay, nền trời, vòm cây).
 d. Nhân hoá và hoán dụ (chiếc mũ đỏ nhô, bay, nền trời, vòm cây).
9. Câu nào dưới đây là câu trần thuật đơn không có từ **là** ?
 a. Đây là bài ca về mặt trời, về cái “mâm đồng đỏ”.
 b. Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời buổi sớm.
 c. Cuối cùng, chiếc mũ đỏ có bay lên khỏi vòm cây không ?
 d. Ai đội mũ đỏ nấp sau vòm cây, và đang từ từ đứng lên thế kia ?
10. Câu “Tôi ngược nhìn về phương đông, sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ.” là câu đơn hay câu ghép ? Em hãy chỉ rõ bộ phận chủ ngữ (CN), vị ngữ (VN) của câu.
 a. Câu đơn. CN : tôi ngược nhìn về phương đông, VN : bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ.
 b. Câu ghép. CN₁ : tôi, VN₁ : ngược nhìn về phương đông, CN₂ : nửa vành mũ màu đỏ, VN₂ : bỗng nhô lên.
 c. Câu đơn. CN : tôi ngược nhìn về phương đông, VN : sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ.
 d. Câu ghép. CN₁ : tôi, VN₁ : ngược nhìn về phương đông, CN₂ : vòm cây, VN₂ : xanh thẫm, CN₃ : nửa vành mũ màu đỏ, VN₃ : bỗng nhô lên.

II. Viết đoạn văn

Em hãy viết một đoạn văn ngắn tả cảnh bình minh, trong đoạn văn có sử dụng nhân hoá, so sánh và có câu trần thuật đơn có từ **là**. Gạch chân dưới các hình ảnh nhân hoá, so sánh và câu trần thuật đơn có từ **là**.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 2

I. Đọc bài văn sau và khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng cho từng câu hỏi ở cuối bài.

HOA XOAN

Mùa giêng hai. Mù sương càng bớt thì mưa phùn bay càng nhiều. Bụi mưa li ti hàng triệu triệu hạt trắng đục rắc nhẹ nhẹ. Đất trời ẩm ướt và hơi lạnh. Ấy là lúc xoan bắt đầu chuyển nhựa rùng rùng chuẩn bị cho mùa hoa mới. Cây xoan, có nơi gọi là cây sấu đông. Người nhà quê trồng xoan thành vườn hoặc dăm ở hàng rào để lấy gỗ làm nhà, đóng tủ. Ngàn đời rồi, cây xoan có sức sống diệu kì và gần gũi vô cùng với người nhà quê.

Khoảng tiết Kinh Chập năm trước, xoan đã trút hết lá, chỉ còn cây gầy guộc, cành khẳng khiu. Âm thầm suốt cuối mùa đông tích nhựa đắng, để đầu xuân thân phận xoan gầy khẳng trào ra các đầu cành những lộc nõn bé xíu xinh xinh như móng gà chíp, phủ một lớp lông tơ trắng mịn.

Rồi ắng đi một dạo không để ý, sáng ra mắt nhắm mắt mở, bất chợt nhìn lên đã thấy các hoa xoan tím tím lẫn lẫn nơi đầu cành. Và lại bất chợt giữa trưa nào đó, ngợp mắt, rợp trời hoa xoan bung ra trắng tím. Vẫn

khăng khiu, gầy guộc, cây không kịp đâm chồi nảy lộc non, và không kịp níu giữ hoa lìa cành. Hoa rơi rơi ! Lúc đầu còn rơi nhẹ lất rắt lên đầu, lên vai áo ; hoa bay xiên nghiêng rơi xuống mái rạ, đồng rơm ; sau thì rơi dày. Bỗng dưng đến cuối chiều nào đó, lại thấy hoa đã rụng tới bởi trắng gốc, lấy tay vun lại, vốc được từng vốc cánh hoa tàn. Một chút băng khuâng buồn. Một chút nuối tiếc. Và nghĩ đến sự sinh thành.

Bây giờ, nhà nhà xây mái bằng bê tông cốt sắt, gỗ xoan không còn chỗ làm cột, làm quá giang⁽¹⁾, đòn bẩy. Đến cái chạn bát cũng bằng i nốc, bằng nhựa ; gỗ xoan đã ra rìa ngoài cuộc sống người dân quê. Không còn ai làm nhà bằng gỗ xoan, không còn hoa xoan rụng trắng ngõ đất. Ai người trồng, ai người cần xoan nữa xoan ơi !

(Trích tản văn của Sương Nguyệt Minh)

1. Đoạn thứ nhất có mấy từ láy ? Đó là những từ nào ?
 - a. Ba từ : li ti, nhẹ nhẹ, gần gũi.
 - b. Bốn từ : li ti, ẩm ướt, nhẹ nhẹ, gần gũi.
 - c. Năm từ : li ti, triệu triệu, ẩm ướt, nhẹ nhẹ, gần gũi.
 - d. Sáu từ : li ti, triệu triệu, ẩm ướt, nhẹ nhẹ, rùng rùng, gần gũi.
2. Đoạn thứ nhất có 12 yếu tố Hán Việt, đó là những yếu tố nào ?
 - a. Giêng, triệu, chuyển, chuẩn, bị, hoa, sâu, đông, diệu, kì, vô, cùng.
 - b. Mùa, giêng, chuyển, chuẩn, bị, hoa, sâu, đông, diệu, kì, vô, cùng.
 - c. Sương, triệu, chuyển, chuẩn, bị, hoa, sâu, đông, diệu, kì, vô, cùng.
 - d. Giêng, triệu, chuyển, chuẩn, bị, hoa, nhà, sâu, đông, diệu, kì, vô, cùng.
3. Bài văn trên có mấy chỉ từ ? Đó là những từ nào ?
 - a. Một từ : đó.
 - b. Hai từ : ấy, đó.
 - c. Ba từ : ấy, đó, trước.
 - d. Bốn từ : ấy, đó, trước, cuối.
4. Bài văn trên có mấy lượng từ ? Đó là những từ nào ?
 - a. Hai từ : những, từng.
 - b. Ba từ : những, các, từng.
 - c. Bốn từ : hàng, những, các, từng.
 - d. Năm từ : nhiều, những, các, từng, ngàn.

⁽¹⁾ *Quá giang* : Thanh vật liệu đặt trên một số điểm tựa để đỡ mái nhà ; *rầm*.

5. Trong câu “Đầu xuân thân phận xoan gầy khẳng trào ra các đầu cành những lộc nõn bé xiu xinh xinh như móng gà chíp, phủ một lớp lông tơ trắng mịn.” có mấy cụm danh từ ? Đó là những cụm nào ?
 - a. 3 cụm : đầu xuân, các đầu cành, những lộc nõn.
 - b. 4 cụm : đầu xuân, thân phận xoan, các đầu cành, những lộc nõn.
 - c. 4 cụm : thân phận xoan, các đầu cành, những lộc nõn, một lớp lông.
 - d. 5 cụm : đầu xuân, thân phận xoan gầy khẳng, các đầu cành, những lộc nõn, một lớp lông tơ trắng mịn.
6. Câu “Bây giờ, nhà nhà xây mái bằng bê tông cốt sắt, gỗ xoan không còn chỗ làm cột, làm quá giang, đòn bẩy.” có những cụm động từ nào ?
 - a. ① Xây mái bằng bê tông cốt sắt ; ② không còn chỗ làm cột, làm quá giang, đòn bẩy ; ③ làm cột, ④ làm quá giang, đòn bẩy.
 - b. ① Xây mái bằng bê tông cốt sắt ; ② làm cột ; ③ làm quá giang.
 - c. ① Xây mái ; ② không còn chỗ, ③ làm cột ; ④ làm quá giang.
 - d. ① Xây mái bằng bê tông cốt sắt ; ② làm quá giang, đòn bẩy.
7. Câu nào dưới đây có dùng biện pháp so sánh ?
 - a. Xoan đã trút hết lá, chỉ còn cây gầy guộc, cành khẳng khiu.
 - b. Bất chợt trưa nào đó, ngợp mắt, rợp trời hoa xoan bung ra trắng tím.
 - c. Không còn ai làm nhà bằng gỗ xoan, không còn hoa xoan rụng trắng ngõ đất.
 - d. Lộc xoan bé xiu xinh xinh như móng gà chíp, phủ một lớp lông tơ trắng mịn.
8. Câu nào dưới đây **không** sử dụng biện pháp nhân hoá ?
 - a. Đến cái chạn bát cũng bằng i nốc, bằng nhựa.
 - b. Ai người trồng, ai người cần xoan nữa xoan ơi !
 - c. Xoan bắt đầu chuyển nhựa rùng rùng chuẩn bị cho mùa hoa mới.
 - d. Cây xoan có sức sống diệu kì và gần gũi vô cùng với người nhà quê.
9. Câu nào dưới đây đã dùng dấu phẩy sai quy tắc ?
 - a. Mùa sương mù bay, mùa ẩm ướt, mùa hoa nở và cũng là mùa muỗi sinh sôi nảy nở.
 - b. Nó không buồn, tha ta nó luôn gọi ta nhớ nhung, về tuổi thơ và một miền quê lấm láp nghèo.
 - c. Tuổi thơ đánh trận giả chẳng bao giờ vắng thiếu tiếng súng bắn xoan đóp đóp và những lúc giận, dỗi, hờn.

d. Bọn trẻ vừa lấy tay phủi muối vừa ngoảnh mắt lên cao ngóng chờ, mong cho quả xoan xanh lớn nhanh bằng đầu đũa, bằng đầu ngón tay út.

10. Câu “Cây không kịp đâm chồi nảy lộc non, và không kịp nín giữ hoa là cành.” là câu đơn hay câu ghép ? Hãy chỉ rõ bộ phận CN, VN.

a. Câu ghép. CN₁ : cây, VN₁ : đâm chồi, CN₂ : lộc, VN₂ : non, CN₃ : hoa ; VN₃ : là cành.

b. Câu đơn. CN : Cây ; VN : không kịp đâm chồi nảy lộc non, không kịp nín giữ hoa là cành.

c. Câu đơn. CN : Cây không kịp đâm chồi nảy lộc non ; VN : không kịp nín giữ hoa là cành.

d. Câu ghép. CN₁ : cây ; VN₁ : không kịp đâm chồi nảy lộc non, VN₂ : không kịp nín giữ, CN₃ : hoa, VN₃ : là cành.

II. Viết đoạn văn

Em hãy viết một đoạn văn ngắn tả một cái cây hoặc một mùa mà em yêu thích, trong đoạn văn có sử dụng nhân hoá, so sánh và có câu trần thuật đơn có từ **là**. Gạch chân dưới các hình ảnh nhân hoá, so sánh và câu trần thuật đơn có từ **là**.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Bài 18

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

1. Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc.

2. Việc Dế Mèn kể chuyện về bản thân có tác dụng tạo sự thân mật, gần gũi giữa người kể và bạn đọc ; dễ biểu hiện tâm trạng, ý nghĩ, thái độ của nhân vật.

3. – Đoạn 1 : từ đầu đến “đứng đầu thiên hạ rồi” : vẽ đẹp cường tráng của Dế Mèn.

– Đoạn 2 : tiếp theo đến hết : Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

7. Xem Ghi nhớ (NV6, 2, tr.11)

* Tham khảo :

Hồi ức về bối cảnh ra đời tác phẩm, nhà văn Tô Hoài viết :

“Tôi viết truyện *Con Dế Mèn*, rồi truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* lần đầu, không rõ năm ấy tôi mười tám hay mười bảy tuổi (...). Chỉ nhớ tôi vừa bước khỏi tuổi thiếu niên, tất cả những trò chơi của bãi sông đầu làng của tuổi thơ đã vào thẳng sáng tác tôi. Khi cầm bút, những “nhân vật” trong truyện không cần phải nghĩ mãi mới ra, mà chúng nó đã nằm sẵn giữa say mê. Sức mạnh của những thực tế tự nhiên và trực tiếp ấy đã hất ngay vào nguồn sáng tác của tôi.

(...) Lí tưởng say mê của Dế Mèn là được đi khắp nơi, hô hào mọi loài cùng nhau xây dựng thế giới đại đồng – danh từ thời ấy rất thịnh hành ai cũng thích nói. Thế giới đại đồng chỉ có công bằng, không có áp bức và chiến tranh. Đó là tư tưởng của tôi, cũng như tư tưởng của phần đông lớp học sinh và trí thức buổi đầu giác ngộ thường mơ ước vẻ đẹp của lí tưởng như thế.”. (Theo Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi*, NXB Giáo dục, 1997)

PHÓ TỪ

2. Ví dụ :

(1) đã : Chỉ quan hệ thời gian.

(2) không : Chỉ sự phủ định ; còn : Chỉ sự tiếp diễn tương tự.

...

(1) Đáp án hoặc gợi ý trả lời cho một số bài tập khó.

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

4.

Đoạn	Đối tượng miêu tả	Đặc điểm nổi bật được miêu tả
1	con vật : Dế Mèn	con dế to khoẻ, mạnh mẽ
2	người : chú bé liên lạc (Lượm)	chú bé nhanh nhẹn, vui vẻ, hồn nhiên
3	cảnh : vùng bãi ven ao, ngập nước sau cơn mưa	một thế giới động vật sinh động, ồn ào, huyền ảo

Bài 19

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

1. Theo trình tự đi từ bao quát đến cụ thể, bắt đầu từ những ấn tượng chung về thiên nhiên, vùng đất Cà Mau, rồi miêu tả, giới thiệu về kênh rạch, sông ngòi, cảnh vật hai bên bờ, cuối cùng là cảnh chợ Năm Căn.

2. Tác giả ở trên con thuyền xuôi theo các kênh rạch vùng Cà Mau ra sông Năm Căn rồi dừng lại ở chợ Năm Căn.

3. – Tác giả trước hết miêu tả những hình ảnh khái quát thiên nhiên Cà Mau để tạo ấn tượng rộng lớn mênh mông, hùng vĩ về một vùng sông nước.

– Màu sắc bao trùm : màu xanh ; âm thanh bao trùm : rì rào.

5*. *Tham khảo :*

– *Gò Vấp* : là ngọn đồi trồng nhiều cây vấp (cây lim).

– *Bến Nghé* : là cái bến uống nước của trâu con, do một cái tên rất cũ là Komping Krabey (bến Trâu đã được Việt hoá) (Theo Trịnh Hoài Đức).

(thuyết khác : Bến Nghé là cái bến có nhiều cá sấu, chúng thường kêu “nghe”.
(Đại Nam nhất thống chí))

– *Cầu Ông Lãnh* : cầu do một ông Lãnh binh thời tả quân Lê Văn Duyệt xây.

– *Cầu Kiệu* (cầu Xóm Kiệu) : trước đây nơi này trồng rất nhiều hành, kiệu.

(Theo Thái Văn Kiểm, *Đất Việt trời Nam*, NXB Nguồn sống, 1960).

– *Đồng Nai* : là cánh đồng hươu nai ở. (Đại Nam nhất thống chí)

– *Nhà Bè* : tích ông Thủ Huồng lấy tre kết thành bè có mui che mưa nắng làm phúc cho khách bộ hành.

6. Ví dụ : “có cái bề thế của một trấn anh chị rừng xanh....”, “Những bến vận hà nhộn nhịp”....

7. Ví dụ : *Người Chà Châu Giang* : người Chăm ở vùng Châu Đốc, tỉnh An Giang. Các làng người Chăm ở Châu Đốc đều nằm trên các cù lao ven sông Cửu Long. Người Chăm sống chủ yếu bằng nghề dệt vải...

SO SÁNH

1.

Câu	Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để so sánh)
a	sông ngòi, kênh rạch	bủa giăng chi chít	như	mạng nhện
b	Cái chàng Đế Choắt	người gầy gò và dài lêu nghêu	như	một gã nghiện thuốc phiện
c	Trăng	tròn	như	cái đĩa
d	Trường Sơn	(bị khuyết)	(bị khuyết)	chí lớn ông cha
	Cửu Long	(bị khuyết)	(bị khuyết)	lòng mẹ bao la sóng trào

2. a.2 ; b.4 ; c.1 ; d.3.

3. Ví dụ :

So sánh		Ví dụ
Đồng loại	người với người	“Em là ai, cô gái hay nàng tiên...” (Tố Hữu)
	vật với vật	“Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.” (Tô Hoài)
Khác loại	vật với người	“Mẹ già như chuối ba hương Như xôi nếp một, như đường mía lau.” (ca dao)
	Cái trừu tượng với cái cụ thể	“...rừng được dựng cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.” (Đoàn Giỏi)

4. Như, là, bằng, chẳng bằng, không bằng, kém, hơn, giống như, bao nhiêu, bấy nhiêu, tựa, tựa như....

QUAN SÁT, TƯỜNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

1. Để miêu tả thành công cần phải biết quan sát, tưởng tượng, và so sánh nhận xét các đối tượng miêu tả. Quan sát, tưởng tượng, so sánh là những thao tác quan trọng nhất cho việc miêu tả. Từ đó, người viết mới khiến những tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người... như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe.

2. Dòng a, b, d, g

3. c. “cánh ngắn ngắn... hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê” (so sánh độc đáo : vì không ai cởi trần mà mặc áo gi-lê.)

4. Tác giả đề cập đến thao tác quan sát. Dù tả cảnh hay tả người, chúng ta đều phải quan sát cho thật kĩ. Người miêu tả phải phát hiện ra những nét riêng của mỗi cảnh hoặc người và làm nổi bật nét riêng đó.

5. – **Đặc điểm nổi bật của Đế Mèn** : thân hình cường tráng, tính tình kiêu căng.

– **Chi tiết thể hiện thân hình cường tráng** : đầu tôi to và nổi từng tảng ; hai cái răng đen nhánh... như hai lưỡi liềm máy làm việc ; sợi râu tôi dài và uốn cong.

– **Chi tiết thể hiện sự kiêu căng** : tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được ; tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm ; chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Bài 20

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

2. – Khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện : người anh “thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài”, “muốn gục xuống khóc”.

– Khi xem trộm tranh của em : nhận ra tài năng của em, cảm thấy buồn “lén trút tiếng thở dài”.

– Khi em được mời tham gia trại vẽ quốc tế : không vui, thấy em gái hay “xét nét” mình, thấy “khó chịu” với em.

– Khi đứng trước bức tranh đạt giải của em gái : “giật sống người”, “ngỡ ngàng”, “hãnh diện”, “xấu hổ”.

4. – Người anh cảm thấy ngỡ ngàng vì : người trong bức tranh lại chính là mình...

– Người anh cảm thấy hãnh diện vì : vẻ đẹp của mình trong bức tranh...

– Người anh cảm thấy xấu hổ vì : cảm thấy mình không xứng đáng với lòng nhân hậu của em gái...

Bài 21

VƯỢT THÁC

1. – Ngoại hình : “đánh trần”, “như pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuộn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa”,...

– Hành động : “co người”, “phóng chiếc sào xuống nước”, “ghì trên đầu sào”, “thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt”, “ghì trên ngọn sào”,...

2. – Câu văn : “Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc các, bắp thịt cuộn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ”.

– Tác dụng : gợi tả nét gân guốc, vững chắc và vẻ đẹp dũng mãnh, oai hùng của con người trước thiên nhiên.

4. – Cảnh thiên nhiên được miêu tả qua những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, qua biện pháp so sánh, nhân hoá.

– Nhờ vậy hình ảnh dòng sông Thu Bồn trở nên chân thực, sinh động.

5. Vẻ đẹp hùng dũng, sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên rộng lớn, hiểm trở.

SO SÁNH (tiếp theo)

2.

Phần trích	Vế A (sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để so sánh)	Kiểu so sánh
a	ngôi sao	thức	chẳng bằng	mẹ thức	so sánh không ngang bằng
	mẹ		là	ngọn gió	so sánh ngang bằng
b	tâm hồn tôi		là	một buổi trưa hè	so sánh ngang bằng
c	con đi trăm núi ngàn khe		chưa bằng	muôn nỗi tái tê lòng bầm	so sánh không ngang bằng
d	bóng Bác	ấm	hơn	ngọn lửa hồng	so sánh không ngang bằng
e	chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình		chẳng khác gì	họ nắm được chìa khoá chốn lao tù	so sánh ngang bằng

PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH

1.

Văn bản	Nội dung miêu tả	Hình ảnh tiêu biểu	Thứ tự miêu tả
b	Tả quang cảnh dòng sông Năm Căn và rừng đước Năm Căn		Từ dưới sông lên bờ, từ gần đến xa.
c	– Phần đầu : giới thiệu khái quát về lũy tre làng. – Phần hai : Miêu tả bao vòng tre của lũy. – Phần ba : cảm nghĩ và nhận xét về loài tre.		Từ ngoài vào trong, từ khái quát đến cụ thể.

2*. a. Hình ảnh dựng Hương Thư ngẫm cho thấy cảnh dữ dội của thác nước : Thác nước dữ dội đến thể nào khiến người vượt thác có ngoại hình (như pho tượng đồng đúc,...), hành động (ghì trên ngọn sào, thả sào, rút sào... nhanh như cắt,...), ý chí, quyết tâm như thế.

b. Không tả trực tiếp mà tả gián tiếp, dùng hình ảnh con người để người đọc có thể hình dung ra cảnh vật.

Bài 22 BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

2. a. Trước buổi học : định trốn học vì chưa thuộc bài và vì trễ giờ.

b. Sau buổi học : thấy nuối tiếc và ân hận vì sự lười nhác, ham chơi của mình...

c. Nguyên nhân : vì tình cảm của thầy Ha-men đối với Phrăng, vì Phrăng hiểu ra ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp và ý nghĩ sẽ không còn được học tiếng mẹ đẻ nữa.

PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI

1. a. Đối tượng miêu tả :

- Đoạn 1 : Người chèo thuyền vượt thác.
- Đoạn 2 : Chân dung của một ông cai ngục gian xảo.
- Đoạn 3 : Tả hình ảnh hai người trong một keo vật.

b. Khác nhau : Tả chân dung thường gắn với các hình ảnh tĩnh, dùng nhiều danh từ, tính từ,... Tả người gắn với hành động nên thường dùng nhiều động từ tính từ.

Bài 23

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

4.

	Chi tiết thể hiện tâm trạng	So sánh tâm trạng của anh đội viên ở hai lần thức dậy
Lần thứ nhất	– Ngạc nhiên vì thấy trời đã rất khuya mà Bác vẫn chưa ngủ. – Xúc động, cảm nhận được sự lớn lao, gần gũi của Bác khi chứng kiến cảnh Bác đốt lửa, dèm chăn.	– Bài thơ không kể về lần thứ hai thức dậy của anh đội viên, mà từ lần thứ nhất chuyển sang lần thứ ba. Điều này cho thấy trong cái đêm ấy anh đã nhiều lần tỉnh thức và lần nào cũng thấy Bác Hồ không ngủ.
Lần thứ ba	– Hốt hoảng, giật mình, lo lắng cho sức khoẻ của Bác ; vui sướng mênh mông khi hiểu được nguyên nhân.	– Từ lần một đến lần ba, tâm trạng của anh mới có sự biến đổi rõ rệt : từ ngạc nhiên, lo lắng đến cảm nhận sâu sắc tấm lòng yêu thương của Bác dành cho chiến sĩ và nhân dân.

6. – Từ láy : lâm thâm, xơ xác, trầm ngâm, phăng phắc, nặng nề, mơ màng, thì thầm...

– Việc sử dụng các từ láy làm tăng giá trị biểu cảm, diễn tả cụ thể các trạng thái tình cảm, cảm xúc.

8. Điểm giống : Thể thơ năm chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp,...

ẢN DỤ

1.

Ví dụ	Cụm từ in đậm	Cách diễn đạt tương đương	Lí do
(1)	Người Cha	Mẫu : Bác Hồ	Người cha và Bác Hồ có nét giống nhau (tuổi tác, tình thương yêu con,...).
(2)	lửa hồng	hoa râm bụt	lửa hồng có màu sắc giống màu đỏ của hoa râm bụt
	thấp	nở hoa	trạng thái bừng nở của hoa râm bụt như ngọn

			lửa vừa được thắp sáng.
(3)	mặt trời	Bác Hồ	Bác Hồ như mặt trời soi đường dẫn lối cho dân tộc ta thoát khỏi kiếp nô lệ tăm tối.
(4)	nắng giòn tan	nắng vàng rực rỡ	Chuyển đổi cảm giác, diễn tả sự khô ráo của sự vật sau một thời gian dài dầm mưa.

2.

Ví dụ	Phép ẩn dụ tìm được	Đối tượng ẩn dụ	Kiểu ẩn dụ
a	Con sóng	Con người đang nhớ nhung	Ẩn dụ phẩm chất.
b	Con cò	Con người vất vả, cực nhọc, đắng cay	Ẩn dụ phẩm chất
c	Lươn ngắn, chạch dài Thồn bơn méo miệng, traí lệch mồm	Những người có chung một số đặc điểm hình thức	Ẩn dụ hình thức
d	Cát vàng giòn	Cát vàng rực rỡ	Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

3. Ví dụ : Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng ; tre già măng mọc ; đứng mũi chịu sào ; chọn mặt gửi vàng ;...

Bài 24

LƯỢM

1. – Đoạn 1 : Nội dung cơ bản : hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ của hai chú cháu.

– Đoạn 2 : Nội dung cơ bản : câu chuyện về chuyến liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm.

– Đoạn 3 : Nội dung cơ bản : hình ảnh Lượm vẫn sống mãi.

2.

	Chi tiết	Nhận xét
Trang phục	Cái xắc xinh xinh, ca lô đội lệch	Mặc dù trong trang phục của người chiến sĩ Vệ quốc nhưng Lượm vẫn mang vẻ hồn nhiên, vô tư, hiếu động, linh hoạt của tuổi trẻ.
Dáng điệu	Chú bé loắt choắt, Cái chân thoăn thoắt,	Dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn, tinh nghịch.

	Cái đầu nghênh nghênh	
Cử chỉ	Như con chim chích, huýt sáo, cười híp mí	Cử chỉ rất nhanh nhẹn, hồn nhiên, yêu đời
Lời nói	Cháu đi liên lạc, Vui lắm chú à, Ở đồn Mang Cá, Thích hơn ở nhà ...	Lời nói tự nhiên, chân thật

– Tuỳ theo cảm nhận của mỗi người, nhưng những chi tiết đó, nhìn chung, góp phần thể hiện hình ảnh Lượm – một em bé liên lạc, hồn nhiên, vui tươi, say mê tham gia công tác kháng chiến thật đáng mến, đáng yêu.

3.

	Chi tiết	Nhận xét
Hình ảnh Lượm trong chuyến đi liên lạc cuối cùng	“Vụt qua mặt trận,... sợ chi hiểm nghèo”	Dũng cảm, nhanh nhẹn, hăng hái quyết hoàn thành nhiệm vụ không nề nguy hiểm.
Sự hi sinh của Lượm	“Cháu nằm trên lúa... Hồn bay giữa đồng”	Lượm như một thiên thần bé nhỏ, yên nghỉ giữa cánh đồng quê hương trong hương thơm lúa non thanh khiết. Linh hồn bé nhỏ ấy như hoá thân vào thiên nhiên, đất nước.
Cảm xúc của tác giả	“Ra thế Lượm ơi !...”	Câu thơ bị ngắt làm đôi diễn tả sự ghen ngào, đau đớn.
	“Thôi rồi, Lượm ơi ! ... Một dòng máu tươi” “Cháu nằm trên lúa... Hồn bay giữa đồng”	Nhà thơ cảm nhận được sự hi sinh của Lượm có một vẻ thiêng liêng, cao cả.

4. Mở đầu đoạn cuối là câu hỏi : “Lượm ơi, còn không ?” tiếp ngay sau đoạn miêu tả sự hi sinh của Lượm, một câu hỏi vừa đau xót vừa ngỡ ngàng như không muốn tin rằng Lượm đã không còn nữa. Hai khổ cuối tái hiện hình ảnh Lượm nhanh nhẹn, vui tươi, hồn nhiên như đã trả lời cho câu hỏi trên bằng sự khẳng định : Lượm vẫn sống mãi trong lòng nhà thơ và còn mãi với quê hương, đất nước.

MƯA

(Tự học có hướng dẫn)

1. – Đoạn 1 : quang cảnh lúc sắp mưa với những trạng thái hoạt động khẩn trương, vội vã của cây cối và loài vật.

– Đoạn 2 : cảnh trong cơn mưa. Bốn dòng cuối là hình ảnh con người giữa cơn mưa dữ dội.

2. Ví dụ :

Loài vật, loài cây được miêu tả	Tính từ chỉ hình dáng	Tính từ chỉ trạng thái	Động từ chỉ hành động
ông trời			mặc áo giáp đen ra trận
cỏ gà		rung tai	nghe
bụi tre		tần ngần	gõ tóc
hàng bưởi	trọc lóc	đu đưa	bế
dừa			sải tay bơi

3. a. Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu : nhân hoá

b. Tác dụng :

Tạo nên cảnh mưa ở làng quê vô cùng sinh động. Đặc biệt cảnh mưa rào được hình dung như một cuộc ra trận dữ dội với khí thế mạnh mẽ, khẩn trương. “Ông trời mặc áo giáp đen” là cảnh những đám mây đen che phủ cả bầu trời như một lớp áo giáp của một dũng tướng. Còn muôn nghìn cây mía lá sắc nhọn quay cuồng trong gió được hình dung như những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đông đảo ; kiến đi từng đoàn vội vã và có hàng lối như một đoàn quân đang hành quân khẩn trương.

4. Thể thơ tự do với những câu thơ ngắn chỉ từ một đến bốn chữ (phần lớn là hai chữ) cùng với nhịp nhanh, dồn dập và những động từ chỉ hoạt động khẩn trương đã góp phần quan trọng diễn tả nhịp nhanh và mạnh theo từng đợt dồn dập của cơn mưa rào mùa hè.

5. – Hình ảnh con người, ở đây là người cha đi cày về (một công việc bình thường và quen thuộc ở làng quê), đã hiện lên nổi bật với dáng vẻ lớn lao, vững vàng giữa khung cảnh thiên nhiên dữ dội đầy sấm, chớp của trận mưa.

– Hình ảnh này được xây dựng theo lối ẩn dụ khoa trương. Người cha đi cày về dưới trời mưa đã được tác giả nhìn như là “Đội sấm – Đội chớp – Đội cả trời mưa...”.

Tham khảo :

“Trong bài *Trở lại với cơn mưa tuổi thơ*, Vũ Nho ghi lại cuộc trò chuyện với nhà thơ Trần Đăng Khoa, có đoạn :

Vũ Nho : Đọc kĩ bài thơ thấy lớp lang rất mạch lạc. Tả cơn mưa từ cao xuống thấp, từ xa đến gần, từ rộng đến hẹp. Cuối cùng thu lại chỉ tả mưa ở vườn và sân. Đó có phải là một dụng ý nghệ thuật không ? Hay chỉ đơn giản vì chưa mưa thì còn nhìn được xa rộng, mưa đã mù trắng nước thì tầm nhìn thu hẹp chỉ còn thấy vườn và sân.

Trần Đăng Khoa : – Đây là phát hiện của bác đấy, chứ em viết hồn nhiên không bố trí lớp lang gì cả. Nhưng cũng có chút bài binh bố trận, có dụng ý. Đó là em chỉ tả thiên nhiên và đến cuối bài mới cho con người xuất hiện. “Bố em đi cày về/ Đội sấm/ Đội chớp/ Đội cả trời mưa.”. Với đứa trẻ ở nhà quê, người thợ cày là lực sĩ, oai phong như thần. Em có thoáng nghĩ tới Sơn Tinh – Thủy Tinh. Nhưng câu thơ ấy lại chịu ảnh hưởng của Anh Thơ là chính.

“Ngoài đường lội một vài người về chợ/ Trâu nặng gánh hàng như trâu cả quang mưa.”

Ban đầu em viết “Bố em đi cày về/ Đội nước/ Đội cả trời mưa.”. Bài thơ in ở báo Văn nghệ. Trước khi in vào tập Thơ Trần Đăng Khoa của ti Giáo dục Hải Hưng, em đã chữa. Bác biết không, có mấy lí do phải chữa. Thứ nhất, em học Anh Thơ, nhưng câu thơ gần quá, không ổn, phải biến hoá hơn. Thứ hai, “đội nước” dễ gây ra hiểu nhầm là đội lọ, đội vò đi hứng nước. Thứ ba, “đội trời mưa” cũng là đội nước rồi. Câu thơ hoá ra thừa. Bởi thế em mới chữa thành “đội sấm, đội chớp”. (...). (Trần Đăng Khoa *thần đồng thơ ca*, NXB Văn hoá Thông tin, 2000)

HOÁN DỤ

1.

Ví dụ	Phép hoán dụ tìm được	Đối tượng hoán dụ	Kiểu hoán dụ
a	đầu xanh	tuổi trẻ	lấy bộ phận để gọi toàn thể
	má hồng	người thiếu nữ	
b	làng quê	con người	lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng
	đường phố		
c	áo nâu	nông dân	lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật
	áo xanh	công nhân	
	nông thôn	nông dân	lấy vật chứa đựng để chỉ vật bị chứa đựng
	thành thị	công nhân	

d	bàn tay	con người	lấy bộ phận để gọi toàn thể
e	một cây	ít cây	lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng
	ba cây	nhiều cây	

2.

	Ẩn dụ	Hoán dụ
Giống nhau	Gọi tên sự vật này bằng tên sự vật, hiện tượng khác	
Khác nhau	Dựa vào quan hệ tương đồng, cụ thể : – Hình thức ; – Cách thức thực hiện ; – Phẩm chất ; – Cảm giác.	Dựa vào quan hệ tương cận, cụ thể : – Bộ phận – Toàn thể ; – Vật chứa đựng – vật bị chứa đựng ; – Dấu hiệu của sự vật – sự vật ; – Cụ thể – trừu tượng.

3. Ví dụ : các thành ngữ : Góc biển chân trời, chân lấm tay bùn,...

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ

1.

Các cách gieo vần	Đặc điểm	Ví dụ
Vần chân	Vần được gieo ở cuối câu	Mây lưng chừng <u>hàng</u> Về ngang lưng <u>núi</u> Ngàn cây nghiêm <u>trang</u> Mơ màng theo <u>bụi</u>
Vần lưng	Vần được gieo ở giữa câu	Mây <u>lưng</u> chừng hàng Về <u>ngang</u> <u>lưng</u> núi Ngàn cây nghiêm trang Mơ <u>màng</u> theo bụi (Xuân Diệu)
Vần cách	Vần được gieo ở hai câu gián cách nhau	Cháu đi đường <u>cháu</u> Chú lên đường <u>ra</u> Đến nay tháng <u>sáu</u> Chợt nghe tin <u>nhà</u>

		(Tố Hữu)
Vân liên	Vân được gieo ở những câu liên nhau	Nghé hành ghé <u>he</u> Nghé chẳng theo <u>me</u> Thì ghé theo <u>dàn</u> Nghé chớ đi <u>càn</u> Kể gian nó bắt. (đồng dao)

2. – Là thể thơ có bốn tiếng.

- Thường có cả vần lưng và chân xen kẽ
- Gieo vần liên hay cách.
- Nhịp phổ biến là nhịp hai.

Bài 25

CÔ TÔ

1. – Đoạn 1 : Toàn cảnh Cô Tô với vẻ đẹp trong sáng sau khi trận bão đã đi qua.

– Đoạn 2 : Cảnh mặt trời mọc trên biển quan sát được từ đảo Cô Tô – một cảnh tượng tráng lệ, hùng vĩ và tuyệt đẹp.

– Đoạn 3 : Cảnh sinh hoạt buổi sáng sớm trên đảo bên một cái giếng nước ngọt và hình ảnh những người lao động chuẩn bị cho chuyến ra khơi.

2. – Những hình ảnh, từ ngữ (đặc biệt là tính từ) miêu tả đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua là : “tươi sáng”, “trong trẻo”, “sáng sủa”, “trong sáng”, “xanh mượt”, “lam biếc”, “vàng giòn”.

– Qua những từ ngữ, hình ảnh ấy, đảo Cô Tô hiện lên trong sáng, tinh khôi.

3. – Đảo Cô Tô khi cơn bão qua và mặt trời lên được khắc họa qua hình ảnh, chi tiết :

+ “Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi”.

+ “Mặt trời tròn trĩnh phúc hậu ... chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng”.

(...)

– So sánh vẻ đẹp của đảo Cô Tô khi cơn bão đi qua và khi mặt trời lên : Đảo Cô Tô khi cơn bão đi qua mang vẻ đẹp sáng trong còn đảo Cô Tô khi mặt trời lên, mang vẻ đẹp tinh khôi, tráng lệ, hùng vĩ.

– Đoạn văn thể hiện rõ tài năng quan sát, miêu tả, sử dụng ngôn ngữ chính xác, tinh tế, độc đáo của tác giả. Điều đó chứng tỏ năng lực sáng tạo và lòng yêu mến Tổ quốc, thiên nhiên của ông.

4. – Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo :

+ “ Cái giếng nước ngọt ... người đến gánh và múc”.

+ “ Từ đoàn thuyền sắp ra khơi ... đi đi về về” .

+ “Cái giếng nước ngọt ... trong đất liền”.

– Cảnh lao động và sinh hoạt vừa khẩn trương, tấp nập lại vừa thanh bình.

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

1. a. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.

CN

VN

(Tô Hoài)

b. Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

CN

VN

(Tô Hoài)

c. Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập. (Đoàn Giỏi)

CN

VN

d. Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam Tre, nứa, mai, vầu

CN

VN

CN

giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.

VN

(Thép Mới)

2. a. – Chủ ngữ : tôi – đại từ.

– Vị ngữ : đã trở thành một chàng dế thanh niên rất cường tráng – cụm động từ.

b. – Chủ ngữ : Đôi cày tôi – cụm danh từ.

– Vị ngữ : mẫm bóng – tính từ.

c. – Chủ ngữ : Những cái vuốt ở chân, ở khoeo – cụm danh từ.

– Vị ngữ : cứ cứng dần và nhọn hoắt – hai cụm tính từ.

Bài 26

CÂY TRE VIỆT NAM

7. – *Cây tre Việt Nam* là văn bản thuyết minh cho bộ phim cùng tên của nhà điện ảnh Ba Lan. Thể loại : bút kí chính luận và trữ tình.

– Thể loại của văn bản *Cô Tô* là bút kí trữ tình văn học.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

1. a, b, e, f, g, j, h

2. a : Giới thiệu và tả ; b. : Dùng để nêu ý kiến nhận xét ; e. Dùng để giới thiệu ; f. : Dùng để giới thiệu ; g. : Dùng để giới thiệu ; j. : Dùng để miêu tả ; k. : Dùng để miêu tả.

3.

câu	Giới thiệu nhân vật bằng						
	Nguồn gốc	Họ tên	Phẩm chất, tư cách	Hình dáng	Tính nết	Hoàn cảnh	Hành động
a	×	×					
b			×				
c		×		×	×		
d						×	
e							×

HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN : THI LÀM THƠ NĂM CHỮ

1. – Đoạn 1 :

Số chữ trong mỗi dòng : 5 ; Nhịp : 3/2 và 2/3 ; Vận : – Khổ 1 : *Bác – bạc* ; Khổ 2 : *một – thột* ; Khổ 3 : *mộng – lộng hồng* ; Khổ : 4 dòng.

– Đoạn 2 :

Số chữ trong mỗi dòng : 5 ; Nhịp : 2/3 và 3/2 ; Vận : Khổ 1 : *nở – đỏ ; già – qua* ; Khổ 2 : *viết – nét ; tài – bay* ; Khổ 3 : *vắng – thắm ; đâu – sâu* ; Khổ : 4 dòng.

– Đoạn 3 :

Số chữ trong mỗi dòng : 5 ; Nhịp : 2/3 và 3/2 ; Vận : *Đi – về – che ; hết – biếc*.

Bài 27 LÒNG YÊU NƯỚC

3. Khi có chiến tranh :

- Người vùng Bắc nghĩ đến cánh rừng bên dòng sông Vi-na, ...
- Người U-crai-na nhớ bóng thuyền dương tư lự bên đường, ...

- Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao, ...
- Người thành Lê-nin-grat bị sương mù quê hương ám ảnh, ...

...

– Từng vẻ đẹp của từng miền quê được hiện lên qua từng nỗi nhớ một cách cụ thể, rõ ràng. Điều đó chứng tỏ nét đẹp của quê hương đã được in đậm trong mỗi trái tim của mỗi con người như máu thịt. Đặc biệt khi có chiến tranh con người càng nhận ra vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo của quê hương mình hơn.

4. – Theo tác giả, lòng yêu nước bắt nguồn từ tình yêu với những vật bình thường, gần gũi, từ lòng yêu gia đình, quê hương...

– Biểu hiện của lòng yêu nước của học sinh hiện nay có thể là : yêu ông bà, cha mẹ, anh chị em, yêu ngôn ngữ chữ viết, yêu bạn bè, yêu mái trường, yêu thầy cô...

5. – Tác giả khái quát lòng yêu Tổ quốc bằng các hình ảnh : dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào Vôn-ga, sông Vôn-ga đi ra biển.

Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.

– Cách diễn đạt gần gũi dễ hiểu, đi từ cái cụ thể đến cái trừu tượng, cái nhỏ đến cái lớn. Có sự giữ gìn gắn bó về tình cảm từ lòng yêu nhà, làng xóm, miền quê đã tích tụ lại thành tình cảm lớn lao hơn đó là tình yêu Tổ quốc.

LAO XAO

1. Trong văn bản này, *Lao xao* có nghĩa là những âm thanh của tự nhiên, trong đó đặc biệt là âm thanh của chim muông và cây lá.

2. Thể loại kí, là hồi tưởng của bản thân tác giả về những kỉ niệm thời ấu thơ, kết hợp với tả cảnh thiên nhiên.

3. – Đoạn văn miêu tả cảnh một vùng quê vào buổi sáng chớm hè.

– Cách miêu tả của tác giả cho thấy, cảnh vùng quê vào buổi sáng hết sức sinh động, vui vẻ, rộn ràng với những cái lao xao của hoa, lá, ong bướm...

4. Các loài chim được tác giả miêu tả là : bồ các, sáo sậu, sáo đen, tu hú, nhạn, chim ngói, bìm bịp, diều hâu, chèo bẻo, quạ đen, chim cất.

– Bồ các : vừa bay vừa kêu như bị ai đuổi đánh.

– Sáo sậu, sáo đen : hót mừng được mùa...

– Tu hú : kêu “tu hú” là mùa tu hú chín.

...

7. – Thành ngữ “Kẻ cắp gặp bà già” có nghĩa là : kẻ tinh ranh, quỷ quyết lại gặp đối thủ xứng đáng, khôn ngoan, dày dặn kinh nghiệm hơn.

– Trong văn bản này “kẻ cắp” chỉ chim diều hâu, “bà già” chỉ chim chèo bẻo.

* Tham khảo :

VỀ CHIM CHÓC

Nghe về nghe về	Giống lặn thật lâu	Rủ nhau đi mò
Nghe về chim chóc	Là con công cốc	Là con chim ốc
Hay moi hay móc	Ăn tấp sông sộc	Gỗ mõ lốc cộc
Vốn thiệt con dơi	Là con chim heo	Là chim thầy chùa
Thấy nắng thì phơi	Ham đậu cheo leo	Tụng kinh bốn mùa
Là con diệc mốc	Là chim lá rụng	Là chim bìm bịp
Lặn theo mấy gốc	Cắm đầu muốn thụng	Chạy theo không kịp
Là chim thảng chài	Là chim thầy bói	Là chim hít cô
Lông lá thật dài	Hay ăn hay nói	Bắt mẹ xẻ khô
Là con chim phượng	Ấy thật chim quyền	Là chim điên điên
Rành cả bốn hướng	Vừa đứng vừa biên	Không ăn ngoài biển
Là chim bồ câu	Là chim học trò	Là chim le le.

Nguồn : <http://nhacso.net>.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ “LÀ”

1. Tìm câu trần thuật đơn có từ cần căn cứ vào mô hình cấu tạo của nó :

Chủ ngữ – là – vị ngữ

Như vậy, câu a : “Người ta gọi chàng là Sơn Tinh.” (CN : Người ta ; VN : gọi chàng là Sơn Tinh) ; câu f : “Vua công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.” (CN : Vua ; VN₁ : nhớ ; VN₂ : phong) không phải là câu trần thuật đơn có từ *là*.

2. b. Câu miêu tả ; c. Câu đánh giá ; d. Câu giới thiệu ; e. Câu giới thiệu ; g. Câu định nghĩa.

Bài 28

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÍ

2. – Giống : + Thuộc loại hình tự sự.

+ Đều có người trần thuật (nhân vật kể chuyện), nhân vật này có thể xuất hiện trực tiếp hoặc dưới dạng một nhân vật gián tiếp ở ngôi thứ ba thể hiện qua lời kể.

– Khác : + Truyện : Phần lớn có hư cấu, sáng tạo trên cơ sở so sánh.

+ Kí : Ghi chép tái hiện lại các hình ảnh sự vật của đời sống theo cảm nghĩ.

Có cốt truyện, có nhân vật.

Không có cốt truyện, có khi có nhân vật.

3.

Câu	Lời của nhân vật	Tác phẩm	Ý nghĩa
a	Dế Mèn	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	Lời tự hối hận của Dế Mèn về sự hung hăng, hống hách của mình
b	Người kể (tác giả)	<i>Lòng yêu nước</i>	Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường, gần gũi nhất với con người.
c	tác giả	<i>Cây tre Việt Nam</i>	Thể hiện sự gắn bó, thủy chung ngàn đời giữa cây tre với con người Việt Nam
d	tác giả	<i>Buổi học cuối cùng</i>	Tiếng nói của dân tộc là vũ khí đấu tranh là linh hồn của dân tộc, còn tiếng nói tức là còn đất nước, yêu tiếng nói cũng chính là một biểu hiện cụ thể của lòng yêu Tổ quốc.
e	anh trai Kiều Phương	<i>Bức tranh của em gái tôi</i>	Lời tự hối hận và xấu hổ vì sự ghen tị nhỏ nhen và lòng ích kỉ của bản thân mình.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ “LÀ”

2.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ	Loại câu
a	mái đình, mái chùa cổ kính	thấp thoáng	Tồn tại
b	ta	gìn giữ một nền văn hoá lâu đời	Miêu tả
c	những mầm măng	tua tủa	Tồn tại
d	măng	trời lên nhọn hoắt ...trỗi dậy.	Miêu tả
e	cái hang của Dế Choắt	có	Tồn tại
f	Dế Choắt	là tên tôi ... trịch thượng.	Miêu tả
g	(chủ ngữ ẩn)	vẽ một em học sinh	Tồn tại
h	(chủ ngữ ẩn)	đã dán sẵn mấy bức ảnh	Tồn tại

ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ

1. Văn miêu tả thường gặp hai loại : tả người và tả cảnh.

2. Người viết phải biết quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, so sánh, lựa chọn hình ảnh và cách trình bày các hình ảnh ấy theo một thứ tự nhất định.

– Biết sử dụng các biện pháp tu từ : so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ...

3. – Đoạn văn miêu tả : a, d.

– Đoạn văn tự sự : b, c.

– Căn cứ nhận diện văn miêu tả : Dựa vào *Ghi nhớ* trong NV6, 2, tr. 121.

+ Đoạn a : cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ ; hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh ; lóng lánh, lung linh trong nắng.

+ Đoạn d : cao lớn với những đường nét thô kệch ; khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt.

5. Đoạn văn miêu tả người ông của nhân vật xưng “tôi”. Người ông này đã già, đi lại khó khăn. Đoạn văn còn miêu tả lại rất kĩ cảnh cả nhà tắm cho người ông.

Chi tiết : “ông tôi tự đứng dậy đi men ra ngoài ngói vào một chõng tre” ; “Mẹ tôi cầm gáo từ từ dội” ; “tắm lưng đóng vảy bóng như phủ bằng sáp” ; “Nước trôi tuồn tuột từng gáo, từng gáo” ; “cái vỏ mướp được kì thật mạnh vậy mà vẫn trượt đi” ; “mấy lần tôi ngã dúi dụi” ; “tắm lưng nhẵn như da rắn không thấm nước”.

Bài 29

CẦU LONG BIÊN – CHÚNG NHÂN LỊCH SỬ

3. a. Chứng nhân lịch sử : người chứng kiến các sự kiện lịch sử đã diễn ra.

b. Phép nhân hoá

c. Phép tu từ trong việc miêu tả tác dụng đem lại sự sống, linh hồn cho cây cầu.

e. Gọi cầu là chứng nhân là đã coi cầu như con người, là người đương thời của bao thế hệ, cùng đồng cam cộng khổ, cùng vui buồn với những thăng trầm của thủ đô, của đất nước.

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

1. a. – Tác phẩm này giúp em hiểu rõ về tình yêu quê hương của tác giả.

– Qua tác phẩm này, em hiểu rõ về tình yêu quê hương của tác giả.

- b. – Phần thưởng ấy đã làm em hết sức vui mừng.
– Với phần thưởng ấy, em đã hết sức vui mừng.
 - c. – Khu vườn trồng nhiều loại rau.
– Trong khu vườn, chúng em trồng nhiều loại rau.
 - d. – Công việc đó cho thấy sự cố gắng của mọi người.
– Qua công việc đó, ta thấy sự cố gắng của mọi người.
 - e. – Với niềm say mê học tập, Nam đã đạt nhiều kết quả tốt.
– Niềm say mê học tập đã giúp Nam đạt nhiều kết quả tốt.
2. a. – Chú chó đốm, một người bạn yêu quý của tôi, đã vĩnh viễn xa rời tôi.
– Chú chó đốm là một người bạn yêu quý của tôi.
– Đây là chú chó đốm, một người bạn yêu quý của tôi.
- b. – Lượm đã hi sinh trên đồng lúa.
– Hình ảnh Lượm hi sinh trên đồng lúa là một hình ảnh xúc động.
- c. – Những bạn nghỉ học vào chiều hôm qua phải làm kiểm điểm trước lớp.
– Đây là những bạn nghỉ học vào chiều hôm qua.
- d. Những ai tích cực phát biểu trong giờ học sẽ được cộng điểm.
3. a. Câu sai : thiếu chủ ngữ.
c. Câu sai : thiếu vị ngữ.
d. Câu sai : thiếu chủ ngữ.
f. Câu sai : thiếu vị ngữ.
g. Câu sai : thiếu vị ngữ.

Bài 30

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ (tiếp theo)

1. a. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên,
CN VN
đạp phanh phách vào các ngọn cỏ.
(Tô Hoài)
- b. Cứ mỗi lần ra thăm khu vườn, ngắm nhìn những bông hoa, tôi lại cảm thấy thích thú.
CN VN
- c. Như dòng suối đổ vào sông, dòng sông đổ ra biển, lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc. (I-li-a Ê-ren-bua)
CN
VN

d. Đứng trên đồi núi, ngắm nhìn vẻ đẹp của làng quê, tôi càng thêm yêu thêm nơi chôn nhau cắt rốn của mình. CN VN

2. a. Câu thiếu vị ngữ : Xa xa, một ngôi chùa thấp thoáng trong sương.

b. Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ : Bằng sự chăm chỉ của mình, chỉ trong vòng hai tháng, cô ấy đã thi xong bức tranh.

c. Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ : Bằng giọng giảng bài ấm áp, truyền cảm của cô giáo, cô giáo đã giúp cả lớp hiểu sâu sắc bài học.

3. a. Chủ ngữ : cây cầu ; Vị ngữ : (1) đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông ; (2) bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.

→ Chủ ngữ chỉ phù hợp với vị ngữ (1) → Nên chữa vị ngữ (2) phù hợp với chủ ngữ hoặc chia thành hai câu đơn.

b. Trạng thái “vừa đi học về” không liên quan đến chủ ngữ “mẹ” mà liên quan đến “Thúy” → “Thúy vừa đi học về, mẹ đã bảo Thúy sang đón em..”

c. Hoạt động “gọi em” là của Tuấn, còn trạng thái “được bạn ấy cho một cây bút mới” là của “em” → “Khi em đến cổng trường thì Tuấn gọi em và cho em một cây bút mới.”

4. a. Mỗi khi đạt điểm cao, em đều cảm thấy rất vui.

b. Vào mỗi buổi chiều, sau giờ tan học, chúng em thường cùng nhau thả diều.

c. Giữa mặt hồ rộng lớn, một chiếc thuyền đang dừng đĩnh trôi.

d. Sau ba tháng nghỉ hè, chúng em bước vào năm học mới.

f. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, truyền thống đoàn kết của dân tộc ngày càng được thể hiện mạnh mẽ.

Bài 32

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

1. a3. ; b1. ; c1. ; d1. ; e4. ; g3.

2. a. Truyền thuyết. b Cổ tích. c. Truyện trung đại. d. Ngụ ngôn.

e. Cổ tích.

3. a. ; 4.d. ; 5.a.

TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. ① d, ②a, ③c, ④b.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

1. d. ; 2.b. ; 3.a.

4. Em cần chọn từ ngữ phù hợp với nghĩa và cấu trúc của các từ ngữ, các bộ phận đã cho. Ví dụ, với câu (a), em có thể điền cụm từ *muôn loài hoa*, hoặc *hoa hồng*, *hoa huệ*,...

Bài 33

ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

Đề số 1

I. 1b. ; 2d. ; 3a. ; 4d. ; 5a. ; 6a. ; 7c. ; 8a. ; 9b.

Đề số 2

I. 1b. ; 2d. ; 3a. ; 4c. ; 5b. ; 6d. ; 7c. ; 8d. ; 9b.

Bài 34

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

1. c.

2. a. Lượng từ.

b. Động từ.

c. Số từ.

d. Danh từ.

e. Tính từ.

g. Phó từ.

h. Chỉ từ.

3. a. So sánh.

b. Ẩn dụ.

c. Nhân hoá.

d. Hoán dụ.

4. a. Thành phần chính.

b. Chủ ngữ.

c. Câu trần thuật đơn.

d. Câu trần thuật đơn không có từ *là*.

e. Câu trần thuật đơn có từ *là*.

5. (Em xem sách giáo khoa để tự kiểm tra lại).

ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA

Đề số 1

I. 1. b. ; 2. d. ; 3. c. ; 4. a. ; 5. a

6. b. (Từ ngữ thực hiện nhân hoá : “Chim sẻ thi nhau”, “hội hè”)

7. a. (Từ ngữ thực hiện hoán dụ : “trái tim thơ trẻ của tôi”)

8. a. ; 9. b. ; 10. b.

Đề số 2

I. 1. a. ; 2. c. ; 3. b. ; 4. b. ; 5. d. ; 6. a.

7. d. (Hình ảnh để so sánh : “móng gà chíp, phủ một lớp lông tơ trắng mịn”)

8. a. ; 9. b. ; 10. b.

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
	<i>Lời nói đầu</i>	3
	PHẦN MỘT : BÀI TẬP	5
Bài		5
18	– Bài học đường đời đầu tiên – Phó từ – Tìm hiểu chung về văn miêu tả	5 8 10
19	– Sông nước Cà Mau – So sánh – Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả	12 14 17
20	– Bức tranh của em gái tôi – Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả	20 22
21	– Vượt thác – So sánh (tiếp theo) – Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt) : Rèn luyện chính tả – Phương pháp tả cảnh – Viết bài Tập làm văn số 5 – Văn tả cảnh	26 28 30 32 35
22	– Buổi học cuối cùng – Nhân hoá – Phương pháp tả người	38 41 43
23	– Đêm nay Bác không ngủ – Ẩn dụ – Luyện nói về văn miêu tả	48 51 53
24	– Lượm – Mưa – Hoán dụ – Tập làm thơ bốn chữ	55 58 60 62
25	– Cô Tô – Các thành phần chính của câu – Viết bài tập làm văn số 6 – Văn tả người	64 66 68
26	– Cây tre Việt Nam – Câu trần thuật đơn – Hoạt động ngữ văn : Thi làm thơ năm chữ	68 71 73

27	– Lòng yêu nước	75
	– Lao xao	77
	– Câu trần thuật đơn có từ là	80
28	– Ôn tập truyện và kí	81
	– Câu trần thuật đơn không có từ là	87
	– Ôn tập văn miêu tả	89
	– Viết bài tập làm văn số 7 – Văn miêu tả sáng tạo	92
29	– Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử	93
	– Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ	95
	– Viết đơn	97
30	– Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	99
	– Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ (tiếp theo)	102
	– Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi	103
31	– Động Phong Nha	105
	– Ôn tập về dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)	107
32	– Tổng kết phần Văn	109
	– Tổng kết phần Tập làm văn	112
	– Ôn tập về dấu câu (dấu phẩy)	114
33	– Chương trình địa phương (Phần văn và Tập làm văn)	115
	– Đề ôn luyện kiểm tra	117
34	– Tổng kết phần Tiếng Việt	123
	– Đề ôn luyện kiểm tra	125
	PHẦN HAI : MỘT SỐ ĐÁP ÁN	132

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN KHÁNH
Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung và sửa bản in : HUỖNH THANH TRÀ

Biên tập kĩ – mĩ thuật : BUI NGỌC LAN

Trình bày bìa : HÀ TUỆ HƯƠNG

Chế bản tại : CTY CP DV XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

BÀI TẬP THỰC HÀNH NGỮ VĂN 6T2
